

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH
CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

LÊ CHÍ DŨNG

1997

MẤY LỜI NÓI ĐẦU	4
CHƯƠNG MỘT: VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM.....	7
I. VĂN HÓA LÀ GÌ?	7
1. Định nghĩa.	7
2. Các chức năng của văn hóa.....	11
3. Văn hóa với các khái niệm văn minh, văn hiến, văn vật.	14
4. Cấu trúc của văn hóa.	16
5. Vấn đề loại hình văn hóa.	17
II. VĂN HÓA VIỆT NAM.	26
1. Văn hóa Việt Nam từ cơ tầng văn hóa Đông Nam Á hội nhập vào văn hóa Đông Á.	27
2. Chủ thể văn hóa Việt Nam.....	29
3. Lịch trình văn hóa Việt Nam.	34
III. VĂN HÓA VIỆT NAM MỞ RỘNG ĐỊA BÀN TỪ BẮC VÀO NAM.	37
IV. CÁC LỚP VĂN HÓA VIỆT NAM.....	37
1. Lớp văn hóa bản địa.	37
2. Lớp văn hóa tiếp biến văn hóa Ấn Độ.	37
3. Lớp văn hóa tiếp biến văn hóa Trung Quốc.....	37
4. Lớp văn hóa tiếp biến văn hóa của các tộc người anh em trên đất nước Việt Nam.	37
5. Lớp văn hóa tiếp biến văn hóa Châu Âu.	37
V. CHÚNG TA NGHĨ GÌ VỀ ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA VIỆT NAM?.....	37
VI. CÁC VÙNG VĂN HÓA VIỆT NAM.....	38
1. Vùng văn hóa miền núi phía Bắc.....	38
2. Vùng văn hóa Tây Bắc.....	38
3. Vùng văn hóa đồng bằng sông Hồng.....	39
4. Vùng văn hóa Bắc Trung bộ.	39
5. Vùng văn hóa duyên hải Nam Trung bộ.	39
6. Vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên.	39
7. Vùng văn hóa Đông Nai - Gia Định (Đông Nam bộ).	39
8. Vùng văn hóa đồng bằng sông Cửu Long.	39
CHƯƠNG HAI : MỘT SỐ LĨNH VỰC VĂN HÓA.....	41
I. VĂN HÓA VẬT CHẤT.	41

II. VĂN HÓA TINH THẦN.....	43
1. Văn hóa nhận thức.....	43
2. Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo.....	43
3. Văn hoá lễ hội.....	44
4. Văn hóa nghệ thuật.....	45
5. Văn hóa các thú chơi.....	45
6. Văn hóa ẩm thực.....	45
III. VĂN HÓA TỔ CHỨC, QUẢN LÝ.....	45
IV. VĂN HÓA GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ.....	46
1. Giao tiếp, ứng xử trong môi trường tự nhiên.....	46
2. Giao tiếp, ứng xử trong môi trường xã hội.....	46
V. VĂN HOÁ TÁI SẢN XUẤT SINH HỌC - XÃ HỘI.....	47
1. Văn hóa tái sản xuất sinh học - xã hội trong thời trung đại.....	47
2. Văn hóa tái sản xuất sinh học - xã hội trong thời thuộc Pháp.....	48
3. Văn hóa tái sản xuất sinh học - xã hội hiện đại ở Việt Nam.....	48
KẾT LUẬN.....	50
PHỤ LỤC.....	52

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Thế kỷ XX đã khép lại. Trong thế kỷ này loài người đã nếm trải những đau khổ, chết chóc do hai cuộc chiến tranh thế giới, nhiều cuộc chiến tranh cục bộ, địa phương gây ra vì những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc với phong trào giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì những mâu thuẫn về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo... Cái xấu, cái ác và bất công xã hội đang gia tăng. Môi trường sống bị ô nhiễm, cân bằng sinh thái bị phá hoại nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong thế kỷ này loài người cũng đã gạt hái được nhiều thành tựu vĩ đại như một hành trang để bước vào thế kỷ XXI.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - con đẻ của Cách mạng tháng Mười năm 1917 - đã đóng vai trò chủ yếu trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít, cứu loài người và nền văn minh nhân loại. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hình thành và lớn mạnh, phong trào giải phóng dân tộc dâng lên cuộn cuộn, dẫn tới sự giải thể của chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới, buộc chủ nghĩa tư bản phải điều chỉnh, cải cách để tiếp tục tồn tại. Nhân dân Việt Nam - dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện - đã góp phần xứng đáng vào thành tựu vĩ đại ấy của lịch sử hiện đại thế giới.

Ở vài thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, loài người chứng kiến cuộc khủng hoảng lớn trong vấn đề trả lời câu hỏi: "Con người có khả năng cải tạo thế giới không? Nếu có thì bằng cách nào?". Trong bối cảnh đó, những nước xã hội chủ nghĩa như Trung Quốc, Việt Nam, thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách, công cuộc đổi mới, tiếp tục đi lên trên con đường của chủ nghĩa xã hội; Cuba kiên trì xây dựng đất nước theo học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin, từng bước phá vỡ sự bao vây, cấm vận của Mỹ; Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên đang khắc phục những khó khăn to lớn về kinh tế - xã hội để phát triển, hoà bình thống nhất tổ quốc... Trong bối cảnh đó loài người đang trông thấy sự lớn lên của các lực lượng cánh tả trên không gian rộng lớn trước đây từng tồn tại Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô-viết, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu; lo sợ về vai trò của Liên bang Nga trên chính trường thế giới, về sự phục hồi của chủ nghĩa xã hội, Mỹ và các nước EU đang vội vã xúc tiến kế hoạch mở rộng NATO sang phía Đông... Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: loài người đang ở trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thế kỷ XX có sự đảo lộn lớn của các quan điểm khoa học và công nghệ, từ vũ trụ luận đến lý thuyết gen và ADN, dẫn tới các phương pháp phân tích tổng thể,

tiếp cận liên ngành, v.v... mà đỉnh cao là tin học và công nghệ cao, dẫn tới việc khám phá vũ trụ ngoài trái đất, trong lòng đất và đại dương, mở cửa vào thế giới chưa biết.¹

Loài người đang chứng kiến một thời đại nhân văn mới, trong đó con người học cách sống và sẽ biết cách sống hài hoà hơn với tự nhiên, với cộng đồng xã hội và nhân loại.

Trong bối cảnh như vậy của thế giới hiện đại đang hình thành nền kinh tế toàn cầu. Sống trong nền kinh tế này loài người càng nhận thức sâu sắc rằng các quốc gia - dân tộc, dù lớn hay nhỏ, phải phụ thuộc lẫn nhau và điểm gặp gỡ giữa các quốc gia - dân tộc là phát triển kinh tế. Vừa hợp tác, vừa đấu tranh - nhưng không phải là đấu tranh vũ trang - là cách ứng xử khôn ngoan ngày nay của các quốc gia - dân tộc trên hành tinh của chúng ta.

Phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội không? Kinh tế học tân cổ điển cho rằng phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội là một tương quan nan giải: đây là một mâu thuẫn mang tính nghịch lý, không có khả năng giải quyết. UNESCO đã đưa ra giải pháp, đó là tư tưởng văn hóa và phát triển, rằng chỉ có thể đạt được sự thống nhất giữa phát triển và tiến bộ xã hội bằng cách đưa văn hóa vào bên trong sự phát triển, coi văn hóa là động lực, là mục tiêu, là hệ điều tiết cho sự phát triển. Nội dung tư tưởng này như sau:

1) Sự phát triển phải đáp ứng nhu cầu độc lập dân tộc và thể hiện bản sắc dân tộc. Nghĩa là không thể phát triển mà phải trả cái giá là mất độc lập và chủ quyền dân tộc và lệ thuộc vào nước ngoài. Và cũng không thể phát triển bằng văn hóa nhập, nghĩa là tha hoá về văn hóa.

2) Sự phát triển nội sinh, nghĩa là bằng sinh lực của dân tộc. Do đó phải huy động được tiềm năng dân tộc, trong đó mỗi cá nhân, mọi tầng lớp xã hội đều góp phần vào sự phát triển và được hưởng thành quả của sự phát triển.

3) Muốn thực hiện được như vậy văn hóa phải trở thành trung tâm của chiến lược phát triển, theo nghĩa là chiến lược phát triển phải chú ý đến cội nguồn văn hóa, hệ thống giá trị, tín ngưỡng và phong tục. Muốn phát huy tiềm năng con người thì phải hiểu văn hóa. Vì động cơ của con người là nằm trong từng nền văn hóa. Mặt khác, đặt văn hóa là trung tâm của chiến lược. Nghĩa là chiến lược kinh tế phải nhằm mục tiêu phát triển văn hóa. Bởi vì cái tiêu biểu cho xã hội là văn hóa. Văn hóa là bộ "gène" của hệ thống xã hội. Nó tạo nên tính ổn định và bền vững của hệ thống.²

Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng văn hóa là mục tiêu và động lực của sự phát triển. Bởi vì văn hóa, được hiểu theo nghĩa rộng nhất, là mục tiêu của chủ nghĩa xã

¹ Xem GS-TS Nguyễn Văn Đạo: Nhà trường với việc giảng dạy và học tập văn hóa học và văn hóa Việt Nam, trong sách *Văn hóa đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 1996, tr. 620.

² Xem GS Nguyễn Hồng Phong: *Văn hóa là nền tảng của phát triển*, trong s.đ.d, tr. 83-84.

hội³; chủ thể của sự phát triển chính là con người và thước đo trình độ con người lại chính là văn hóa; văn hóa thâm nhập vào sự hiện diện trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, trong mọi mặt của hoạt động tinh thần và vật chất của con người.

Tư tưởng văn hóa và phát triển của UNESCO rất gần gũi với tư tưởng xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phát triển đất nước đi đôi với công bằng xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chỗ khác nhau cơ bản giữa UNESCO và chúng ta là: Đảng Cộng sản Việt Nam tính đến đặc trưng (caractère) của chế độ chính trị - xã hội.

Việt Nam đang đi tới một cuộc sống - xã hội với văn hóa cao. Trong quá trình như vậy văn hóa truyền thống Việt Nam đóng một vai trò và vị trí vô cùng quan trọng, bởi vì không một nước nào tiến triển được mà lại xem thường quá khứ của chính mình. Quá khứ luôn áp đặt lên quá trình phát triển tiếp theo của đất nước.⁴

Trong sự đi lên như thế của Việt Nam, chúng ta suy nghĩ về tương lai của văn hóa đất nước trong văn hóa của cộng đồng người trên thế giới.

Với những định hướng ấy chúng ta tiếp cận với **Cơ sở văn hóa Việt Nam** - một môn học mới, khó, nhưng cần thiết, bổ ích và hứng thú.

Trong giáo trình này chúng tôi xem xét văn hóa Việt Nam theo quan điểm: **Văn hóa hiện diện ở tất cả mọi lĩnh vực của cuộc sống - xã hội, văn hóa nằm ngay trong chính sự phát triển, văn hóa là động lực đồng thời là mục tiêu của sự phát triển vì ấm no và hạnh phúc con người.**

Giáo trình này đang ở mức một **định hướng** cho người giảng cơ sở văn hóa Việt Nam; nó sẽ được bổ sung, hoàn thiện, để trở thành tài liệu học tập đáng tin cậy của sinh viên.

³ Chúng ta có thể đồng tình với ý kiến của nhà nhân loại học người Pháp M. Godolier: “Cái nổi bật trong xã hội Hy Lạp cổ đại là chính trị, trong xã hội trung cổ là tôn giáo, trong xã hội tư bản là kinh tế, trong xã hội xã hội chủ nghĩa sẽ là văn hóa”. (dẫn theo GS Nguyễn Hồng Phong trong s.đ.d. , tr. 84.)

⁴ Ý kiến của nhà kinh tế học người Nhật bản nổi tiếng thế giới Michio Morishima trong tác phẩm của ông *Vì sao Nhật bản thành công?* (trong sách đã dẫn tr. 85).

CHƯƠNG MỘT: VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

I. VĂN HÓA LÀ GÌ?

1. Định nghĩa.

Ở đây chúng tôi chỉ bàn văn hóa như một khái niệm khoa học chỉ đối tượng nghiên cứu của văn hóa học.

Văn hóa trong tiếng Việt, theo ý nghĩa thuật ngữ, tương đương với Culture trong tiếng Pháp, tiếng Anh, với Kultur trong tiếng Đức.

Culture, Kultur bắt nguồn từ chữ Latin *Cultus*, mà nghĩa gốc là *trồng trọt: cultus agri* - trồng trọt ngoài đồng; *cultus animi* - trồng trọt tinh thần, tức giáo dục bồi dưỡng tâm hồn con người.

Người Trung Quốc từng quan niệm: "Thập niên chi kế, mạc như thụ mộc; bách niên chi kế, mạc như thụ nhân" (tính kế làm lợi trong mười năm, không chi hơn trồng cây; tính kế làm lợi trong trăm năm, chẳng gì hơn trồng người [bồi dưỡng nhân tài])

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Muốn có lợi ích mười năm phải trồng cây; muốn có lợi ích trăm năm phải trồng người".

Những điều như vậy cho thấy có sự gặp gỡ giữa tư tưởng phương Tây với tư tưởng của phương Đông về văn hóa. Sự gặp gỡ này trở nên rõ ràng: trong cuộc tiếp xúc Á-Âu, người Trung Quốc đã dùng từ văn hóa⁵ để dịch từ culture.

Như thế, ở phương Đông và ở phương Tây từ văn hóa đều chỉ những hoạt động vật chất và tinh thần của con người trong quan hệ với tự nhiên và xã hội nhằm xây dựng cuộc sống con người ngày càng tốt đẹp hơn.

Tại Hội nghị quốc tế do UNESCO chủ trì từ 26 tháng 07 đến 06 tháng 08 năm 1992 ở Mexico những nhà văn hóa đại diện cho trên 100 nước đã tính đến hai trăm định nghĩa về văn hóa⁶; cuối cùng trong tuyên bố chung định nghĩa sau đây được họ chấp nhận: "Trong ý nghĩa rộng nhất, văn hóa hôm nay có thể coi là tổng thể những

⁵ Ở đời Hán, từ văn hóa đã xuất hiện, để chỉ văn trị, tức cách cai trị bằng lễ, nhạc, bằng chính trị khoan dân, huệ dân, kết hợp với giáo hoá, khiến cho dân trong nước nhuần thấm tam cương, ngũ thường, an cư lạc nghiệp, khiến cho lân bang thần phục, do đó Trung quốc được cống nạp bởi các nước láng giềng phen dậu của Trung nguyên. Đó là ý tưởng của nhà cầm quyền Trung quốc, còn trong thực tế lịch sử tình hình rất phức tạp... văn hóa ở đây thiên về nhận thức và giải quyết những quan hệ xã hội, tức quan hệ giữa người với người. Nó có mối liên hệ lịch sử với khái niệm văn hóa trong cuộc tiếp xúc Á – Âu, nhưng từ văn hóa của thời cận – hiện đại đã được đổi mới để dịch từ culture.

⁶ Nhà nghiên cứu văn hóa Phan Ngọc nói rằng ông đã tìm được trên 300 định nghĩa về văn hóa (Phan Ngọc: *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb. Văn hóa – thông tin, H., 1994, tr. 104).

nét riêng biệt, tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng. Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dẫn thân một cách đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà chúng ta xét đoán được những giá trị và thực thi những sự lựa chọn. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình, là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không biết mệt những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình vượt trội lên bản thân"⁷.

Theo nghĩa hẹp văn hóa được UNESCO quan niệm: "văn hóa" là một tổng thể những hệ thống biểu cảm (ký hiệu) chi phối cách ứng xử và giao tiếp trong một cộng đồng, khiến cộng đồng ấy có đặc thù (so với các cộng đồng khác). Có lẽ cũng nên nhấn mạnh thêm: "văn hóa bao gồm hệ thống những giá trị để đánh giá một sự việc, một hiện tượng (đẹp hay xấu, đạo đức hay vô luân, phải hay trái, đúng hay sai ...) theo cộng đồng ấy"⁸.

Trong sách *Việt Nam văn hóa sử cương* được xuất bản năm 1938, Đào Duy Anh viết: "Theo giới thuyết của Félix Sartiaux thì "văn hóa", về phương diện động, là cuộc tiến triển tiến bộ mà không ngừng của những tác dụng xã hội về kỹ thuật, kinh tế, tư tưởng, nghệ thuật, xã hội tổ chức, những tác dụng ấy tuy liên lạc mà vẫn riêng nhau. Về phương diện tĩnh thì văn hóa là trạng thái tiến bộ của những tác dụng ấy ở một thời gian nhất định, và tất cả các tính chất mà những tác dụng ấy bày ra ở các xã hội loài người."⁹

Các nhà nghiên cứu văn hóa nổi tiếng khác của Việt Nam, như Nguyễn Văn Huyền với sách *Văn minh của người Việt Nam*, Phan Kế Bính với sách *Việt Nam phong tục* cũng có cách nhìn văn hóa tương tự như Đào Duy Anh.

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đã coi văn hóa là một bộ phận quan trọng, một lĩnh vực bức thiết trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước. Những cuộc tranh luận sôi nổi về "duy tâm hay duy vật", về "nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh" trong những năm 1936 - 1939, phong trào "truyền bá chữ quốc ngữ" là nằm trong cuộc vận động văn hóa của Đảng Cộng Sản Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Thế nhưng quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về văn hóa được ghi thành văn lần đầu tiên trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943: "Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật [tức khoa học và kỹ thuật. L.C.D.], nghệ thuật". "Nền tảng kinh tế của một chế độ và chế độ kinh tế xây

⁷ Hà Xuân Trường: *Văn hóa – khái niệm và thực tiễn*, Nxb. Văn hóa thông tin, H., tr. 5-6.

⁸ *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, s.đ.d., tr. 51.

⁹ Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. thành phố Hồ Chí Minh tái bản, 1992, tr. 10.

dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội". "Văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa){...}."

Từ sau *Đề cương văn hóa Việt Nam* đến nay, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bổ sung, phát triển quan điểm của mình về văn hóa. Trong những năm tháng vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa tiến hành cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, để thống nhất nước nhà, Đảng Cộng Sản Việt Nam chủ trương thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế, cách mạng tư tưởng - văn hóa. Sau khi giải phóng hoàn toàn đất nước, đặc biệt là trong những năm đổi mới đất nước vừa qua, Đảng Cộng Sản Việt Nam thấy rõ hơn vai trò, vị trí của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Điều này được thể hiện một cách nổi bật trong Nghị quyết IV của Ban Chấp hành Trung ương khoá VII; Nghị quyết ấy khẳng định: văn hóa là mục tiêu, đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội VIII Đảng Cộng Sản Việt Nam (tháng 7 năm 1996) chỉ rõ: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, các hoạt động văn hóa - văn nghệ có vị trí quan trọng trong việc hình thành nhân cách, làm phong phú đời sống tinh thần con người Việt Nam. Bản sắc dân tộc và tính chất tiên tiến của nền văn hóa phải được thấm đẫm không chỉ trong công tác văn hóa - văn nghệ, mà cả trong mọi hoạt động xây dựng sáng tạo vật chất, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo... sao cho trong mọi lĩnh vực chúng ta có cách tư duy độc lập, có cách làm vừa hiện đại vừa mang sắc thái Việt Nam. Đi vào kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại song phải luôn luôn coi trọng những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc, quyết không được tự đánh mất mình, trở thành bóng mờ hoặc bản sao chép của người khác".¹⁰

Đường lối văn hóa như vậy của Đảng Cộng Sản Việt Nam rất gần gũi với những quan điểm tiến bộ về văn hóa nơi các học giả ở Việt Nam và trên thế giới .

Việc nghiên cứu văn hóa đang được mở rộng và đào sâu. Tầm quan trọng của văn hóa trong đời sống vật chất và tinh thần của mỗi dân tộc và của cộng đồng loài người đã đạt tới mức khiến cho người ta nghĩ rằng *ranh giới văn hóa* có thể có ý nghĩa hơn, so với *ranh giới lãnh thổ*, mặc dù hàng ngày qua màn ảnh nhỏ, người ta vẫn thấy những tranh chấp lãnh thổ ở nơi này hay nơi kia trên hành tinh của chúng ta.¹¹

Khó khăn đầu tiên của việc nghiên cứu văn hóa có lẽ là sự đưa ra câu trả lời cho câu hỏi: văn hóa là gì?

¹⁰ Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1996, tr. 29 – 30.

¹¹ Xem Hà Xuân Trường, s.đ.d., tr. 7.

Có người cho rằng văn hóa có nhiều định nghĩa, nhưng chung quy vẫn có thể phân ra hai loại: định nghĩa theo nghĩa rộng và định nghĩa theo nghĩa hẹp.¹² UNESCO đã đưa ra định nghĩa rộng và định nghĩa hẹp về văn hóa, như chúng tôi đã giới thiệu ở trên.

Một nhà nghiên cứu văn hóa khác nghĩ: "Thực ra thì bản thân định nghĩa không phải là quan trọng. Không những thế, do phải trình bày một cách cô đúc, ngắn gọn (mà đã ngắn gọn thì không phải lúc nào cũng đầy đủ), cho nên các định nghĩa cũng thường là đầu mối của những cuộc tranh luận nhiều khi vô bổ mà nguyên nhân nhiều khi chỉ là do không hiểu hết nhau. Bởi vậy, điều quan trọng hơn cả không phải là định nghĩa như thế nào, mà là định nghĩa đó nói lên cái gì.". Và ông định nghĩa : "Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình".¹³ Với định nghĩa này, ông "có dụng ý chỉ ra bốn đặc trưng quan trọng nhất của văn hóa - đó là tính hệ thống, tính giá trị, tính lịch sử và tính nhân sinh".¹⁴

Tác giả bài báo *Độc quyền Cơ sở văn hóa Việt Nam* cho rằng "định nghĩa nói trên cũng chưa chính xác. Các giá trị văn hóa luôn luôn được tạo ra trong những điều kiện cụ thể và một cách có mục đích, nên văn hóa không chỉ bao gồm các giá trị được tạo ra mà còn cả những cách thức sáng tạo và sử dụng giá trị ấy¹⁵. Dĩ nhiên những cách thức này cũng là những giá trị do con người tạo ra, nhưng đó là một loại giá trị đặc biệt, mang ý nghĩa định tính và đóng vai trò thước đo về trình độ phát triển của mọi nền văn hóa. Vì nếu phương thức phát triển của hệ thống các giá trị được tạo ra chủ yếu là thay thế, phủ định lẫn nhau, thì của hệ thống những cách thức sáng tạo và sử dụng này chủ yếu lại là kế thừa, bổ sung cho nhau, nên nó lưu trữ nhiều kinh nghiệm và trí tuệ hơn, đồng thời cũng có khả năng dự báo và định hướng cao hơn. Nói theo ngôn từ của các nhà ngôn ngữ học thì đây chính là các yếu tố ngữ pháp và phong cách của một nền văn hóa, cũng vận động và thay đổi theo lịch sử nhưng luôn mang tính ổn định, thống nhất cao hơn hẳn so với các yếu tố từ vựng và ngữ âm. K.Marx từng có một kết luận cần nhắc lại về vấn đề này: "Những cá nhân biểu hiện đời sống của mình như thế nào thì họ là như thế ấy, do đó họ là như thế nào, điều đó ăn khớp

¹² Trần Ngọc Thêm: *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, trường Đại học Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh xuất bản, 1995, tr. 20.

¹³ Trần Ngọc Thêm: *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, trường Đại học Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh xuất bản, 1995, tr. 20.

¹⁴ *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, trường Đại học Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh xuất bản, 1995, tr. 20.

¹⁵ Cao Tự Thanh: *Độc quyền Cơ sở văn hóa Việt Nam*, báo Văn nghệ số 37, ngày 14 – 9 – 1996.

với sản xuất của họ, với cái mà họ sản xuất" (K.Marx và F.Engèls: *Tuyển tập*, tập 1, Nxb. Sự thật, H., 1980, tr. 269).¹⁶

Nhà nghiên cứu văn hóa Phan Ngọc nói ông đã tìm được trên 300 định nghĩa về văn hóa và những định nghĩa này đều theo tinh thần luận. Ông nhận xét: " {... } không có cái vật gì gọi là văn hóa cả và ngược lại bất cứ vật gì cũng có cái mặt văn hóa". Theo thao tác luận, ông định nghĩa: "Văn hoá là một quan hệ. Nó là mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng với thế giới thực tại. Quan hệ ấy biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của một tộc người, một cá nhân so với một tộc người khác, một cá nhân khác. Nét khu biệt các kiểu lựa chọn làm cho chúng khác nhau, tạo thành những nền văn hóa khác nhau là đô khúc xạ. Tất cả mọi cái mà một tộc người tiếp thu hay sáng tạo đều có một đô khúc xạ riêng có mặt ở mọi lĩnh vực và rất khác đô khúc xạ ở một tộc người khác".¹⁷

Định nghĩa văn hóa theo thao tác luận có thể cần cho marketing về văn hóa. Thế nhưng, điều mà chúng ta đang muốn có lại là một định nghĩa văn hóa *khái quát được những đặc trưng và những chức năng của nó*. Định nghĩa văn hóa do Hội nghị quốc tế ở Mexico năm 1992 đề xuất và định nghĩa văn hóa trong sách *Cơ sở văn hóa Việt Nam*¹⁸ là theo hướng đó.

Có thể nêu một định nghĩa như thế này chăng:

Văn hóa là một hệ thống các giá trị vật chất và các giá trị tinh thần do con người sáng tạo ra và sử dụng các giá trị ấy trong quá trình hoạt động thực tiễn của mình - tức là trong quá trình nhận thức và tương tác của con người với thiên nhiên, với xã hội; trong quá trình con người tự nhận thức, tự hoàn thiện, - để chủ động nhân đạo hoá ngày càng cao cuộc sống của mình.

2. Các chức năng của văn hóa.¹⁹

2.1. Chức năng nhận thức.

Văn hóa hình thành và phát triển trong quá trình con người xúc tiếp với thiên nhiên, với xã hội và với chính mình, Trong quá trình đó con người mong ước cuộc sống của mình ngày một tốt đẹp hơn và đã hiện thực hoá mong ước ấy: lịch sử của loài

¹⁶ Phan Ngọc: s.d.d., tr. 105.

¹⁷ Phan Ngọc: s.d.d., tr. 105.

¹⁸ Trần Ngọc Thêm: *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, trường Đại học Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh xuất bản, 1995, tr. 20.

¹⁹ Tác giả *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, s.d.d., Nêu các chức năng sau đây của văn hóa: chức năng giáo dục, chức năng tổ chức xã hội, chức năng điều chỉnh xã hội, chức năng giao tiếp (xin xem các trang: 21 –24.)

người không phải là một đường thẳng đi liên tục, mà lúc thăng lúc trầm, nhưng nhìn chung đó là lịch sử của sự phát triển, tiến bộ không ngừng theo hình xoáy tròn ốc. Loài người đang đứng trước ngưỡng cửa của nền văn minh tin học; trong nền văn minh này trí tuệ chứ không phải là cơ bắp, đóng vai trò quyết định của sự phát triển.

Sự phát triển văn hóa gắn chặt với sự phát triển nhận thức. Nói như vậy là đúng, nhưng chưa đủ. Cần phải nói ***nhận thức là một chức năng của văn hóa***, thậm chí ***là chức năng hàng đầu của văn hóa***. Không có nhận thức thì không có văn hóa, không có phát triển. Cũng không thể coi nhận thức là ***thuộc tính*** của văn hóa.

2.2. Chức năng giáo dục, tổ chức, điều chỉnh xã hội.

Văn hóa có mặt ở khắp mọi nơi của xã hội loài người, hiện diện ở tất cả mọi lĩnh vực của đời sống, trong suy nghĩ và hành động, trong tâm lý, tâm thức, tâm linh của mỗi người. Bất kỳ ở đâu văn hóa cũng thực hiện chức năng nhận thức của mình. Bởi vậy, văn hóa có khả năng to lớn, mạnh mẽ và lâu bền trong giáo dục, tổ chức, điều chỉnh xã hội.

“Trở về với cội nguồn”, “xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, suy nghĩ và hành động như thế ở Việt Nam hiện nay chính là đánh giá cao chức năng giáo dục, tổ chức, điều chỉnh xã hội của văn hóa. Ngược lại, chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động tìm mọi cách, đưa “văn hóa” kích dâm, “văn hóa” bạo lực, “văn hóa” vì “đồng đô la vĩ đại”, “văn hóa” của chủ nghĩa cá nhân cực đoan, “văn hóa” của “xã hội tiêu dùng” vào Việt Nam ... là nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, làm “đổi màu” cuộc sống – xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đã, đang và sẽ còn lợi dụng chức năng của văn hóa trong vấn đề giáo dục, tổ chức, điều chỉnh xã hội, vì quyền lợi của chúng.

2.3. Chức năng định hướng.

Những điều được trình bày ở 2.1 và 2.2 cho thấy chức năng định hướng của văn hóa. Văn hóa định hướng theo suy nghĩ và hành động của mỗi người, của cộng đồng, của mỗi dân tộc, của nhân loại. Đang diễn ra cuộc đấu tranh lúc thì âm thầm, khi thì quyết liệt, dữ dội giữa định hướng của văn hóa chân chính, tốt đẹp với định hướng của “văn hóa” xấu, độc hại. Bàn về văn hóa, sáng tạo văn hóa, không thể không nhìn thấy cuộc đấu tranh như vậy. Trong cuộc đấu tranh này, không nên và không thể chỉ nói một cách chung chung rằng văn hóa chân chính, tốt đẹp nhất định chiến thắng “văn hóa” xấu, độc hại, mà trước hết phải ***làm ra*** văn hóa chân chính, tốt đẹp, hấp dẫn, khiến cho người ta đến với văn hóa đó, xa lánh, từ chối thứ “văn hóa” xấu, độc hại hàng ngày hàng giờ nhập lậu vào đất nước chúng ta.

Ngày nay, khi cơn lũ thông tin đang tràn ngập hành tinh này và do đó sự kiểm soát thông tin theo cách "cổ điển" hầu như không thể tồn tại được, thì chức năng định hướng của văn hóa càng phải đề cao, sao cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống - xã hội, văn hóa vừa là động lực, vừa là mục tiêu, vừa là hệ điều tiết cho sự phát triển; sao cho mọi người trong xã hội đều hưởng văn hóa như thành quả của sự phát triển.

2.4. Chức năng tái tạo thế giới.

Nói đến văn hóa là nói đến sự tái tạo một thế giới mới, trên cơ sở con người nhận thức ngày càng sâu sắc tự nhiên, xã hội và chính mình. Những gì là có sẵn, chưa qua sự biến đổi trong chừng mực này hay chừng mực khác, bởi sức lực và trí tuệ của con người "theo quy luật của cái đẹp", thì chúng ta không thể coi là những sản phẩm của văn hóa. Văn hóa là thế giới vật chất và thế giới tinh thần do con người sáng tạo ra, càng ngày càng nghiêng về *tái tạo* hơn là *tái hiện*. Điều ấy không chứng tỏ con người "cải tạo" tự nhiên, xã hội và chính mình, mà chỉ cho chúng ta thấy con người ngày càng nhận thức sâu sắc hơn, đúng đắn hơn các quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và chính mình, *nuông theo* các quy luật ấy để tái tạo một cuộc sống yên bình hơn, bền vững hơn, tươi đẹp hơn.

Nhân dân Việt Nam ở đồng bằng sông Cửu Long đang thực hiện sự "chung sống hoà bình" với ... lũ.

Khoa học đã tạo được sự sinh sản vô tính, nhưng khoa học không được áp dụng thành tựu đó lên con người.

Sẽ còn tồn tại lâu dài ranh giới giữa các nước, giữa các vùng lãnh thổ, nhưng nhiều người đã coi ranh giới về văn hóa mới là cái thực sự cần được nghiên cứu, khám phá, vì lợi ích của con người trên hành tinh chúng ta.

Những thí dụ đã nêu trên chứng minh cho tính chủ động, tính nhân đạo của văn hóa, cho thấy chức năng tái tạo thế giới của văn hóa.

Phải chăng những chức năng của văn hóa đã được trình bày ở trên là sự thể hiện cụ thể của các đặc trưng của nó? Đặt ra câu hỏi này, chúng tôi thú nhận rằng sự tìm kiếm và giới thiệu với người đọc các đặc trưng của văn hóa là không dễ dàng. Để đọc giả rộng đường suy nghĩ, chúng tôi nêu ra ở đây vài ba ý kiến của các nhà nghiên cứu văn hóa về đặc trưng của văn hóa hoặc về điều có liên quan đến đặc trưng của nó.

Tác giả sách *Cơ sở văn hóa Việt Nam* khẳng định 4 đặc trưng:

Tính hệ thống là đặc trưng hàng đầu của văn hóa; đặc trưng thứ hai của văn hóa là tính giá trị; đặc trưng thứ ba của văn hóa là tính lịch sử; đặc trưng thứ tư của văn hóa là tính nhân sinh.²⁰

²⁰ *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, s.đ.d., tr. 21-24.

Tác giả bài báo *Độc quyền Cơ sở văn hóa Việt Nam* nhấn mạnh tính chủ động, tính nhân đạo của văn hóa.

Tác giả sách *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới* thì, - như chúng tôi đã có lần giới thiệu, - sau khi lưu ý với bạn đọc, "... không có cái vật gì gọi là văn hóa cả và ngược lại bất kỳ vật gì cũng có cái mặt văn hóa", ông định nghĩa: "Văn hóa là một quan hệ. Nó là mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng với thế giới thực tại. Quan hệ ấy biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của một tộc người, một cá nhân so với một tộc người khác, một cá nhân khác", là theo thao tác luận, tác giả của định nghĩa này quan tâm đến đặc trưng văn hóa của tộc người này so với đặc trưng văn hóa của tộc người khác mà ông gọi là "độ khúc xạ"; ông không tìm kiếm đặc trưng của văn hóa nói chung.

3. Văn hóa với các khái niệm văn minh, văn hiến, văn vật.

Có mối liên hệ bên trong giữa các khái niệm văn hóa, văn minh, ***văn hiến, văn vật.***

Khi chúng ta nói: "Loài người đã trải qua các thời kỳ dã man, bán khai, văn minh" hay "Nhân loại đã kinh qua văn minh công nghiệp, văn minh cơ khí, và đang ở ngưỡng cửa của văn minh tin học", thì ở đây ***văn minh*** là khái niệm chỉ ***trình độ phát triển*** của văn hóa. (Nhưng khi các nhà nho duy tân ở đầu thế kỷ XX nhận định: văn minh phương Đông là văn minh ***tinh***, văn minh phương Tây là văn minh ***đông***, thì trong văn cảnh ấy chúng ta hiểu rằng văn minh bao gồm nhiều loại khác nhau về đặc trưng). Và, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược là cuộc chiến đấu của ***văn minh*** chống lại ***dã man***, thì từ văn minh có nghĩa là ***nhân đạo, chính nghĩa*** đối lập với ***tàn bạo, phi nghĩa***.

Tuy nhiên, chúng ta cần và sử dụng khái niệm văn minh với bốn nội dung cơ bản: đô thị, nhà nước, chữ viết và trình độ kỹ thuật.²¹

Nguyễn Trãi viết trong *Bình Ngô đại cáo*:

"Duy ngã Đại Việt chi quốc

Thực vi ***văn hiến*** chi bang"

(Nước Đại Việt ta vốn là một nước ***văn hiến***)

Nguyễn Trãi viết tiếp:

"Sơn xuyên chi cương vực ký thù,

Nam Bắc chi phong tục diệc dị".

²¹ Ông Phan Ngọc cho rằng nghiên cứu văn hóa là nghiên cứu mặt ***tinh***, bao gồm lễ hội, phong tục, sinh hoạt vật chất, thể chế xã hội, nghệ thuật..., nghiên cứu văn minh là nghiên cứu mặt ***đông***, nghiên cứu sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ và sự áp dụng những tiến bộ đó vào trong đời sống – xã hội của mỗi dân tộc.

(Núi sông bờ cõi đã chia, phong tục Nam Bắc cũng khác).

Trong văn cảnh như vậy, chúng ta hiểu từ **văn hiến** gắn với nghĩa thứ nhất của văn minh. Bởi vậy một giáo sư đã định nghĩa: "**Văn hiến**: văn là văn minh, hiến là nhân tài. Khái niệm **văn hiến** của người xưa tương đương với khái niệm văn minh, văn hóa ngày nay, có điều lại nhấn mạnh vào vai trò của những nhân tài làm động lực cơ bản cho sự phát triển của văn minh, văn hóa".²²

Ở nửa cuối thế kỷ XIX trong thư trả lời Hoàng Cao Khải, cụ Phan Đình Phùng - một thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp - khẳng định: nước ta là một nước **thi thư**.

Ngày nay, chúng ta ít gặp trong văn viết và lời nói những câu: "Việt Nam là một nước **văn hiến**", "nước ta là một nước thi thư". Những từ "**văn hiến**", "thi thư" trong những văn cảnh như vậy đã trở thành lịch sử, đã được thay thế bằng từ "văn hóa" hoặc "văn minh".

Văn vật được cụ Đào Duy Anh định nghĩa: những sản vật của văn hóa, như lễ nhạc, chế độ.²³ **Vật**, theo cụ Đào Duy Anh, là từ chỉ "những cái có trong khoảng trời đất", chỉ "sự" và "sự"²⁴ là "việc người ta làm, hoặc các nghề nghiệp".²⁵

Như thế nói "**văn vật**" là văn hóa thiên về các giá trị vật chất²⁶ thì vị tất đã đúng. Và, nếu "các từ điển tiếng Việt thường định nghĩa **văn vật** là truyền thống văn hóa tốt đẹp biểu hiện ở nhiều di tích lịch sử và nhiều nhân tài trong lịch sử"²⁷, thì sự định nghĩa như vậy không chắc đã bênh vực cho ý kiến "**văn vật** là văn hóa thiên về các giá trị vật chất".

Nhà nghiên cứu cho rằng "**văn vật** là văn hóa thiên về các giá trị vật chất" nhận định "Cho nên ông cha ta thường nói **đất nước 4000 năm văn hiến** (mà không nói ...**văn vật**, vì trải qua 4000 năm, phần lớn các giá trị vật chất đã bị tàn phá, cái còn lại chủ yếu là các giá trị tinh thần), nhưng lại nói **Hà Nội - Thăng Long ngàn năm văn vật** (vì trong 1000 năm trở lại đây, từ khi Lý Công Uẩn định đô ở Thăng Long, các giá trị vật chất còn lưu giữ được nhiều". Thế nhưng, khi giáo sư Trần Quốc Vượng viết: "Đời nào cũng vậy, Thăng Long - Hà Nội kinh thành thủ đô hội tụ và kết tinh tinh hoa văn hóa mọi miền đất nước rồi mới để ra được cái chất thanh lịch ngàn năm **văn vật** chứ (Hà Tĩnh từ xa xưa ... và nhìn từ Hà Nội trong sách *Văn hóa học đại cương và Cơ sở văn hóa Việt Nam*, tr. 410) thì **văn vật** có nghĩa là các giá trị tinh thần hay là các giá trị vật chất? Giáo sư Trần Quốc Vượng cũng viết: "Ông nội tôi là học trò cụ Nghè Me

²² Đinh Gia Khánh – Bùi Duy Tân - Mai Cao Chương: *Văn học Việt Nam thế kỷ thứ X – nửa đầu thế kỷ thứ XVIII*, t.1, Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp. H., 1978, tr. 374.

²³ Đào Duy Anh: *Hán – Việt từ điển*, quyển hạ, Nxb. Khoa học xã hội, 1992, tr. 539.

²⁴ Đào Duy Anh, s.đ.d., tr. 543.

²⁵ Đào Duy Anh, s.đ.d., tr. 212.

²⁶ Trần Ngọc Thêm: s.đ.d., tr. 26.

²⁷ Trần Ngọc Thêm: s.đ.d., chú thích ở tr. 26.

(Hưởng Mặc) và gả chi ruột tôi về làm dâu dòng họ Đàm làng Me văn hiến ấy" (*Xứ Bắc - Kinh Bắc: một cái nhìn địa văn hóa*, trong sách đã dẫn, tr. 349), thì ở đây văn hiến thiên về giá trị vật chất hay tinh thần? Một nhà nghiên cứu khác viết: "Rõ ràng sự giao lưu văn hóa đã góp phần làm cho sự ứng xử thường ngày, cái ăn, cái mặc, cái ở, cái chơi, cái chết, cái muôn mặt đời thường thay đổi trên hàng nghìn nét. Đến mức không thể hiểu được Kinh Bắc (chủ yếu ở Bắc Ninh) văn hiến nếu không cất nghĩa nó là một hệ quả giao thoa văn hóa Việt, Hán, Ấn, Chàm" (Huỳnh Khái Vinh chủ biên: *Chấn hưng các vùng và tiểu vùng văn hóa ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1995, tr. 68), thì trong văn cảnh này văn hiến nghĩa là gì? Giáo sư Cao Xuân Huy trong sách *Tư tưởng phương Đông - gọi những điểm nhìn tham chiếu*, Nxb. Văn học, H., 1995 đã nhiều lần dùng thuật ngữ văn hiến để chỉ thư tịch, chẳng hạn: "Về Thiên chúa giáo, tình hình văn hiến không cho phép chúng ta biết một cách cụ thể, ở thế kỷ XVII, trong buổi đầu tiếp xúc, các nhà nho lý giải Thiên chúa giáo như thế nào {...}" (tr. 27).

Vậy đó, thật khó phân ranh giới rạch ròi giữa văn hiến với văn vật.

4. Cấu trúc của văn hóa.

Cấu trúc của văn hóa là một vấn đề phức tạp và ý kiến của các nhà nghiên cứu về vấn đề này rất khác nhau.²⁸

²⁸ Có nhà nghiên cứu văn hóa coi văn hóa là một cấu trúc bao gồm văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. L. White chia văn hóa thành ba tiểu hệ: công nghệ, xã hội và tư tưởng. Đào Duy Anh trong sách của mình *Việt Nam văn hóa sử cương*, dựa theo F. Sartiaux chia văn hóa thành ba bộ phận: sinh hoạt kinh tế, sinh hoạt xã hội và sinh hoạt trí thức. Nhóm Văn Tân thì phân biệt văn hóa vật chất, văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần. M. S. Kagan chia văn hóa thành văn hóa vật chất và văn hóa nghệ thuật. Một số tác giả khác nói đến bốn thành tố của văn hóa: văn hóa sản xuất, văn hóa xã hội, văn hóa tư tưởng, văn hóa nghệ thuật (như Ngô Đức Thịnh); hoặc hoạt động sinh tồn, hoạt động xã hội, hoạt động tinh thần, hoạt động nghệ thuật (như Nguyễn Tấn Đắc). Trần Ngọc Thêm không đồng tình với tất cả những cái gì như vậy về cấu trúc của văn hóa; ông đề xuất ý kiến sau đây: "Để tiếp cận văn hóa như một hệ thống, cần phải vận dụng chính lý thuyết hệ thống." Theo lý thuyết này thì: a) mọi hệ thống phải bao gồm các yếu tố và các quan hệ giữa chúng; mạng lưới các mối quan hệ tạo thành cấu trúc; b) mỗi yếu tố của hệ thống, đến lượt mình, đều có thể là một hệ thống con – tiểu hệ thống; c) mọi hệ thống đều có quan hệ mật thiết với môi trường.

Trên cơ sở này, ông "thấy hợp lý hơn cả là xem văn hóa như một hệ thống gồm bốn thành tố (4 tiểu hệ) cơ bản, mỗi tiểu hệ lại có hai vi hệ nhỏ hơn": 1. Văn hóa nhận thức: a) nhận thức về vũ trụ, b) nhận thức về con người; 2. Văn hóa tổ chức cộng đồng: a) tổ chức đời sống tập thể, b) tổ chức đời sống cá nhân; 3. Văn hóa ứng xử với môi

Tuy nhiên, có thể thấy rằng con người không còn là con vật từ khi họ biết sản xuất (sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần), nghĩa là biết sáng tạo ra những giá trị vốn không tồn tại trong tự nhiên. Sự phát triển của hoạt động như vậy của con người dẫn tới sự phân công lao động. Và nếu lấy sự phân công lao động làm tiêu chuẩn phân loại thì có thể chia các hoạt động thì có thể chia các hoạt động xã hội của con người thành năm kiểu (hay năm lĩnh vực) cơ bản: sản xuất vật chất ; sản xuất tinh thần ; tổ chức, quản lý; giao tiếp; sản xuất tái sinh học - xã hội.²⁹

Chúng tôi nghiên cứu cấu trúc của văn hóa là nghiên cứu trên bình diện văn hoá năm kiểu cơ bản đó của các hoạt động xã hội của con người. Tất nhiên, ở đây, ranh giới giữa các kiểu hoạt động xã hội là có tính chất tương đối, và trong mỗi kiểu ấy lại hiện diện những yếu tố hợp thành.

Nghiên cứu cấu trúc văn hóa, nhà nghiên cứu không thể kết hợp bình diện đồng đại với bình diện lịch đại.

5. Vấn đề loại hình văn hóa.

5.1. Nếu một số nền văn hóa xuất phát từ một gốc, thì giữa chúng có thể có quan hệ khuếch tán, lan toả.

Nếu các nền văn hóa nào đó gần gũi nhau về mặt địa lý thì nền văn hóa này có thể từ tiếp xúc đến giao lưu với nhau và trong quá trình đó có thể nảy sinh hiện tượng những yếu tố của nền văn hóa này thâm nhập vào nền văn hóa kia (hiện tượng tiếp

trường tự nhiên, b) văn hóa đối phó với môi trường tự nhiên; 4. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội: a) văn hóa tận dụng môi trường xã hội, b) văn hóa đối phó với môi trường xã hội.

“Một hệ thống văn hóa có thể được xem xét dưới góc độ các bình diện đồng đại và lịch đại, khái quát và cụ thể. Môn lịch sử văn hóa lâu nay chủ yếu quan tâm đến bình diện cụ thể và lịch đại, còn môn văn hóa học đang bàn chủ yếu quan tâm đến bình diện khái quát và đồng đại. Tuy nhiên, vì văn hóa vừa có tính hệ thống, lại vừa có tính lịch sử cho nên một miêu tả cụ thể tốt nhất là phải tính tới cả hai bình diện ấy.

Nếu lấy lịch đại làm cơ sở thì trong mỗi giai đoạn lịch sử sẽ phải lưu ý đến tính đồng đại – văn hóa sử phải được xây dựng như thế. Ngược lại, nếu lấy diên đồng đại làm cơ sở thì trong mỗi hệ thống con, mỗi bộ phận của hệ thống con lại phải chú ý đến mặt lịch đại – văn hóa học phải được xây dựng như thế” (xem Trần Ngọc Thêm: s.d.d., tr. 27 – 29).

²⁹ Ở đây chúng tôi tiếp nhận ý kiến của Cao Tự Thanh về phân loại các lĩnh vực của văn hóa.

nhận thụ động), hoặc nền văn hóa này *vay mượn* những yếu tố của nền văn hóa kia (hiện tượng tiếp nhận chủ động). Những yếu tố được tiếp nhận từ nền văn hóa bên ngoài ấy - những yếu tố *ngoại sinh* (exogenous) bị những yếu tố *nội sinh* (endogenous) điều chỉnh, cải biến cho tương hợp với văn hóa bản địa; đó là sự *tiếp biến văn hóa* (acculturation)³⁰. Các nền văn hóa ở những lãnh thổ gần gũi nhau, chúng giao lưu với nhau như vậy, tạo nên những *vùng văn hóa*. Trong một nền văn hóa cũng hiện diện những vùng văn hóa khác nhau do những đặc điểm địa lý - lịch sử và sự phát triển không đồng đều mang lại.

Sự tiếp biến văn hóa cũng có thể được thực hiện ở những nền văn hóa xa nhau về mặt không gian, nhưng hiển nhiên là chúng phải tiếp xúc với nhau và nhận ở nhau những yếu tố văn hóa này hay những yếu tố văn hóa kia để bù đắp cho nhau sự *thiếu hụt*. Sự tiếp biến văn hóa của những nền văn hóa như thế tạo nên những tương đồng văn hóa giữa chúng, tạo nên sự gần gũi văn hóa trong cuộc sống - xã hội của loài người. Sự gần gũi văn hóa cũng xuất hiện ở những nền văn hóa chưa hề có sự giao lưu, tuy nhiên những nền văn hóa này phải được sản sinh trong điều kiện địa lý - lịch sử - xã hội tương đồng ...

Trong lịch sử tồn tại và phát triển của văn hóa đã từng xảy ra các hiện tượng lan toả văn hóa, lẫn hiện tượng tiếp biến văn hóa. Sự lan toả văn hóa và tiếp biến văn hóa làm cho văn hóa loài người ngày càng *thống nhất* trong sự *đa dạng*.

Nếu trong thời trung đại, nhiều *vùng văn hóa* đã hình thành, thì trong thời cận - hiện đại do sự tiếp biến văn hóa giữa các nền văn hóa, các vùng văn hóa trên phạm vi toàn cầu vô cùng mạnh mẽ và sâu sắc, các nền văn hóa tộc người, các vùng văn hóa *đi vào quỹ đạo chung của văn hóa nhân loại*. Không một nền văn hóa tộc người nào, không một vùng văn hóa nào ở ngoài cuộc vận động và phát triển như vậy của văn hóa loài người. Vấn đề là ở chỗ, *nội lực* của mỗi nền văn hóa tộc người, mỗi nền văn hóa đủ mạnh hay không để tiếp nhận cái hay, cái đẹp, cái sâu sắc ở các nền văn hóa tộc người khác, ở vùng văn hóa khác, để góp cái hay, cái đẹp, cái sâu sắc của mình vào văn hóa loài người? "Hội nhập nhưng không hoà tan". Ai cũng nói như vậy khi đứng trước cuộc vận động và phát triển văn hóa hôm nay. Nói như vậy là đúng nhưng làm là điều quyết định.

³⁰ Tiếp biến văn hóa (tiếp nhận và biến đổi những yếu tố văn hóa ngoại sinh, để những yếu tố này hoà hợp với những yếu tố văn hóa nội sinh). Hiện tượng như vậy còn được gọi là *giao thoa* văn hóa; *thụ ứng* văn hóa (xem Trần Quốc Vương: *Việt Nam: một trăm năm giao thoa văn hóa Đông Tây*, tạp chí Đất mới, số tháng 3 - 4, Canada, 1991; Sơn Nam: *Văn minh miệt vườn*, Nxb. Văn hóa, H., 1992.

5.2. Vấn đề các loại hình văn hóa.

Ở mỗi người, ở mỗi tộc người, ở mỗi xã hội đều hiện diện văn hóa, không phụ thuộc vào trình độ phát triển vật chất và tinh thần nơi chúng. Các nền văn hóa trong thế giới loài người là vô cùng phong phú, đa dạng về đặc điểm, phong cách.

Những nền văn hóa mang một số đặc điểm và phong cách cơ bản tương đồng được các nhà văn hóa học xếp vào một loại hình văn hóa, phân biệt với một loại hình văn hóa khác bao gồm những nền văn hóa, ở chúng cũng có một số đặc điểm và phong cách cơ bản tương đồng, nhưng không cùng loại với một số đặc điểm và phong cách cơ bản nơi những nền văn hóa thuộc loại hình văn hóa đầu...

Mỗi nền văn hóa, do đặc điểm và phong cách cơ bản của mình có thể thuộc về hoặc gần gũi với một loại hình văn hóa nào đó, hay có thể tư nó là một loại hình văn hóa độc nhất vô nhị, không có chung đặc điểm và phong cách với bất cứ nền văn hóa nào. Thế nhưng đánh giá những đặc điểm và phong cách của các nền văn hóa trong nhân loại, đưa chúng vào loại hình văn hóa này hoặc vào loại hình văn hóa kia, thì đó lại là công việc của các nhà loại hình học về văn hóa. Các nhà loại hình học về văn hóa có khả năng đánh giá khách quan hay làm việc theo thiên kiến? Đây chính là nơi xuất phát của những phiên toái, khác biệt trong vấn đề loại hình văn hóa.

Chúng tôi xin điểm lại một số quan niệm về loại hình văn hóa.

+ Văn hóa phương đông và văn hóa phương Tây³¹.

Các nhà nho duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX cho rằng văn minh phương Đông là văn minh tinh thần, văn minh tinh, còn văn minh phương Tây là văn minh vật chất, văn minh động.

Bà Indira Gandhi, người phụ nữ từng hai lần giữ trọng trách thủ tướng nước Cộng hoà Ấn - Độ, nghĩ: điều mà phương đông cần ở phương Tây là kỹ thuật, còn điều mà phương Tây cần ở phương Đông là duy linh.

³¹ “Quan niệm về Đông và Tây hơi rắc rối. Người phương Đông chúng ta chịu ảnh hưởng của người châu Âu, cái gì cũng theo họ. Thời xưa, họ chỉ mới biết miền chung quanh Địa – trung – hải, thấy những nước như Ai – cập, Thổ – nhĩ – kỳ, Ả – rập, Ba tư... ở phía mặt trời mọc nên gọi là phương Đông.

Sau họ tiến tới Ấn độ rồi tiến tới Trung Hoa, Việt Nam bèn bảo hai nước sau là ở Viễn Đông, để phân biệt với miền trên mà họ đổi tên là Cận Đông.

Ta theo những danh từ đó, tự nhận là người phương Đông và gọi họ là người phương Tây.

Nhưng giả thử hồi xưa họ không biết Địa – trung – hải mà biết châu Mỹ trước hết, thì tất họ gọi châu Mỹ là phương Tây và sau, nếu họ tiến tới nữa, tìm được Phi – luật – tân, Nhật – bản, Trung – quốc, Việt - Nam thì tất họ gọi miền đó là Viễn Tây mà ta sẽ thành người phương Tây và gọi họ là người phương Đông” (Nguyễn Hiến Lê – Thiên Giang: *Lịch sử thế giới*, t.1, Nxb. Văn hóa – thông tin, 1995, tr. 37.

Qua những ý kiến trên, chúng ta có thể hiểu: các nhà nho duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX và bà Indira Gandhi coi đặc trưng của văn hóa phương Đông là tĩnh, chú trọng đến tinh thần, tâm linh; đặc trưng của văn hóa phương Tây là động, chú trọng đến đời sống văn hóa vật chất, đến kỹ thuật, thực nghiệm.

Trong sự thức tỉnh chung của cả châu Á đầu thế kỷ XX, người phương Đông thấy rõ cần khắc phục sự im lìm, biệt lập của mình, gấp rút học ở người phương Tây khoa học - kỹ thuật, thực nghiệm, để mau chóng trở nên giàu mạnh, sánh ngang với các nước phương Tây.

Giải thích đặc trưng động, chuộng thương mại của văn hóa, văn minh phương Tây, nhiều nhà nghiên cứu tìm nguyên nhân ở kinh tế - xã hội của các đô thị ven biển Hy Lạp - La Mã cổ đại, cái nôi của văn minh cận - hiện đại châu Âu. Văn hóa, văn minh đô thị ven biển kiểu đó còn được gọi là văn hóa, văn minh cảng thị.

Văn minh cảng thị, động của phương Tây khác với văn minh *nông nghiệp, tĩnh* của phương Đông. Có thể thấy rõ đặc trưng nông nghiệp, tĩnh của phương Đông nơi văn minh Ấn Độ, Trung - quốc, Việt Nam trong thời trung đại. Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến sự biến mất dần dần hoặc nhanh chóng đặc trưng nông nghiệp, tĩnh trong các nền văn hóa của phương Đông, đồng thời thấy văn minh phương Tây đang học hỏi ở các nền văn hóa của phương Đông những yếu tố có thể bù đắp cho sự hẫng hụt trong văn hóa đương đại của phương Tây. Nói một cách vắn tắt: thời đại này đang đòi hỏi *sự tích hợp* (integration) văn hóa Đông - Tây.

Vậy, đặc trưng *bền vững*, chịu đựng được mọi thử thách khắc nghiệt của thời gian trong văn hóa phương Đông và trong văn hóa phương Tây là gì? Câu hỏi này đâu dễ trả lời. Có người đã thử trả lời như sau:

- Văn hóa phương Tây đi tìm cái *đi biệt* của các hiện tượng, các sự vật trong tự nhiên, trong xã hội và trong tư duy. Đây là kết quả của sự chi phối bởi chủ nghĩa duy lý (rationalisme). Chủ nghĩa duy lý nhìn sự vật, hiện tượng bằng công nghệ mắt phân tích. Văn hóa phương Tây coi trọng lý tính, coi trọng và đạt đến văn minh *vật chất*; tư duy của người phương Tây là *tư duy tuyến*.

Văn hóa phương Đông đi tìm cái *hoà đồng, cái dung hợp*; lý giải các hiện tượng, các sự vật trong tính lưỡng phân, lưỡng hợp: âm - dương, càn - khôn, nhật - nguyệt, trời - đất ... Văn hóa phương Đông chú ý đến các mối quan hệ, vươn tới *các giá trị tinh thần*; tư duy của người phương Đông là *tư duy trường*.

Người phương Đông luôn sống với quá khứ, với truyền thống. Người phương Tây cũng quay về quá khứ, nhưng họ ngưỡng mộ quá khứ hơn là cộng sinh với nó.³²

Bấy nhiêu điều phản ánh đúng và đầy đủ những đặc trưng bền vững nơi văn hóa phương Tây và văn hóa phương Đông?

+ Hai loại hình văn hóa gốc nông nghiệp và gốc du mục.

³² Xem Phùng Quý Nhâm: *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tp. HCM, 1995, tr. 6.

Chia văn hóa loài người thành hai loại hình: loại hình gốc nông nghiệp và loại hình gốc du mục, nhà văn hóa học không chỉ phản ứng chống lại quan niệm lấy châu Âu làm trung tâm của văn minh nhân loại, mà còn muốn giành lại quyền tác giả cho những tộc người gốc nông nghiệp (trong đó có tộc người Việt) đối với những giá trị tinh thần và vật chất mà từ lâu nay, người ta coi chúng thuộc về những sáng tạo của tộc người Hán (tộc người Hán theo tác giả của kiểu phân loại này, là tộc người gốc du mục).³³

³³ “Giống như trong ngôn ngữ, giữa những nền văn hóa của các dân tộc ở phương Tây và phương Đông có sự khác biệt hết sức rõ rệt. Nguồn gốc sâu xa của những sự khác biệt văn hóa này là do những khác biệt về môi trường sống quy định. Môi trường sống của các cộng đồng cư dân ở phương Đông đều là những vùng đồng bằng nằm trong lưu vực các con sông lớn (x. 3.3) với khí hậu nóng ẩm. Còn phương Tây lại là xứ sở của những thảo nguyên mênh mông với khí hậu lạnh khô.

Hai loại địa hình đồng bằng và đồng cỏ dẫn đến chỗ cư dân của hai khu vực phải sinh sống bằng hai nghề khác nhau: trồng trọt và chăn nuôi. Kinh tế trồng trọt bắt buộc phải sống đình cư, vì trồng cái cây xuống thì phải chờ cho nó lớn lên, ra hoa, kết trái để còn thu hoạch. Ấy là chưa kể đến những loại cây lâu năm, phải trồng công phu, phải chờ 5 – 10 năm mới có quả, rồi lại thu hoạch nhiều lần. Lối sống chăn nuôi thì khác: tài sản của dân du mục là gia súc. Gia súc ăn cỏ và không bị cố định như cái cây, ăn hết cỏ thì không thể ngồi đợi cho cỏ mọc mà phải đi tìm bãi cỏ khác. Cho nên sống bằng nghề du mục là lối sống du cư – vừa đi vừa ở, nay đây mai đó lang thang.

Môi trường sống quy định kinh tế, và đến lượt mình, kinh tế quy định văn hóa. Kết quả là hình thành một cách rõ ràng hai loại văn hóa: văn hóa nông nghiệp thì tạo dựng một cuộc sống ổn định lâu dài, không xáo trộn - chúng mang tính chất trọng tĩnh; văn hóa du mục thì lo tổ chức làm sao để có thể thường xuyên di chuyển một cách gọn gàng, nhanh chóng, thuận tiện – chúng mang tính chất trọng động. Các nền văn hóa hiện đại dù đang thuộc nền văn minh nào (nông nghiệp, công nghiệp hay thậm chí hậu công nghiệp) cũng đều không thoát ra ngoài hai loại hình ấy. Căn cứ theo nguồn gốc, ta sẽ gọi chúng là các nền VĂN HÓA GỐC NÔNG NGHIỆP và các nền VĂN HÓA GỐC DU MỤC. Điển hình cho loại gốc du mục (trọng động) là các nền văn hóa phương Tây; còn điển hình cho loại gốc nông nghiệp (trọng tĩnh) là các nền văn hóa phương Đông.

Mỗi loại hình văn hóa này là một chùm những đặc trưng khu biệt do môi trường sống và loại kinh tế quy định, rất đặc thù cho từng thành tố (tiểu hệ). Đi sâu vào các đặc trưng, ta thấy chúng liên quan chặt chẽ với nhau, cho phép từ cái nọ suy ra cái kia và suy ra tất cả các đặc trưng khác của mỗi nền văn hóa cụ thể. Lối tư duy này có thể giúp ta tìm ra những quy luật văn hóa, làm nên cái thần của văn hóa học như một khoa học” (Trần Ngọc Thêm, s.đ.d., tr. 33-34).

Sự suy nghĩ và thao tác phân loại văn hóa như trên là táo bạo, nhưng cũng chưa chắc vượt được các nhà Nho duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Cái mới ở tác giả *Cơ*

Sau đây là bảng so sánh đặc trưng của hai loại hình văn hóa đó:

TIÊU CHÍ		VĂN HÓA GỐC NÔNG NGHIỆP	VĂN HÓA GỐC DU MỤC
Đặc trưng gốc	Địa hình	Đồng bằng (ẩm, thấp)	Đồng cỏ (khô, ráo)
	Nghề chính	Trồng trọt	Chăn nuôi
	Cách sống	Định cư	Du cư
Ứng xử với môi trường tự nhiên		Tôn trọng, mong muốn hoà hợp với thiên nhiên	Coi thường, tham vọng chế ngự thiên nhiên
Lối nhận thức tư duy		Thiên về tổng hợp và biện chứng (trọng quan hệ); chủ quan, cảm tính và kinh nghiệm	Thiên về phân tích và siêu hình (trọng yếu tố); khách quan, lý tính và thực nghiệm
Tổ chức cộng đồng	Nguyên tắc tổ chức cộng đồng	Trọng tình, trọng đức, trọng văn, trọng phụ nữ	Trọng sức mạnh, trọng tài, trọng võ, trọng nam
	Cách thức tổ chức	Linh hoạt, hiếu hoà và dân chủ	Nguyên tắc, hiếu thắng và quân chủ
Ứng xử với môi trường xã hội		Dung hợp trong tiếp nhận; mềm dẻo trong đối phó	Chiếm đoạt và độc tôn trong tiếp nhận; cứng rắn trong đối

sở văn hóa Việt Nam là ở chỗ kéo triết lý âm dương về cho “phương Nam, thiên nhiên, dương tính, (xứ nóng) sinh ra nền văn hóa nông nghiệp âm tính (trọng tĩnh); nền văn hóa nông nghiệp âm tính này, đến lượt mình, lại dẫn đến phong cách ứng xử linh hoạt, năng động, với lối tư duy tổng hợp và biện chứng (dương tính), tạo nên những mô hình vũ trụ bí ẩn với số lượng thành tố lẻ “dương tính”: 2 sinh 3 (tam tài), 3 sinh 5 (ngũ hành) (s.s. câu của Lão tử – nhà triết học của người Bách Việt phương Nam: Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật, x. ở sau, 24) (Trần Ngọc Thêm, s.đ.d., tr.91-92).

Sách *Cơ sở văn hóa Việt Nam* đã gặp sự phản ứng gay gắt của một số người (xin xem Nguyễn Văn Dương: *Nhận định về sách “Cơ sở văn hóa Việt Nam”* của TS Trần Ngọc Thêm (tạp chí Văn số 55, tháng tư 1996); Trần Mạnh Hảo: *Cơ sở văn hóa Việt Nam, khoa học hay truyền thuyết?* (Văn nghệ số 17, ngày 27.4.1996 và Văn nghệ số 18, ngày 4/5/1996); Cao Tự Thanh: *Độc quyền Cơ sở văn hóa Việt Nam* (Văn nghệ số 37, ngày 14/9/1996. Tạo ra một sự chú ý như vậy đối với văn hóa của đất nước là đóng góp và thành công của tác giả cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam*.

Chia văn hóa nhân loại thành hai loại hình: văn hóa gốc nông nghiệp âm tính và văn hóa gốc du mục dương tính với những khác biệt về đặc trưng như trên và cho rằng văn hóa phương Tây là điển hình cho loại gốc du mục, văn hóa phương Đông là điển hình cho loại gốc nông nghiệp, các nhà loại hình học về văn hóa không dễ dàng thuyết phục các bậc thức giả nói riêng và bạn đọc nói chung.³⁴

³⁴ Trần Ngọc Vương: *“Các nền văn minh tối cổ của loài người đều là văn minh nông nghiệp trồng trọt hay phát triển lên từ văn minh trồng trọt* (Lê Chí Dũng nhấn mạnh). Chúng tôi cho rằng kinh tế trồng trọt dẫn đến định cư lâu dài, và định cư củng cố và mở rộng một đặc điểm chung mang tính hằng số (constant) trong lịch sử các nước trong khu vực này [khu vực Đông Á bao gồm các nước Trung quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam – Lê Chí Dũng chú thích], làm tiền đề cho việc cư dân cư trú theo đơn vị huyết tộc. *Việc không phá vỡ công xã thị tộc mà bảo lưu nó trong lòng xã hội có giai cấp, theo ý tôi, là đặc điểm quan trọng nhất quy định những hệ quả văn hóa khác của toàn bộ khu vực này, cũng là bí mật đầu tiên của hình thái kinh tế – xã hội thường được gọi ước lệ là thuộc phương thức sản xuất châu Á* [Lê Chí Dũng nhấn mạnh]” (*Vùng văn hóa Đông Á và sự tương đồng văn hóa Việt Nam – Hàn quốc*, trong sách của khoa Ngữ văn ĐHKHXH & NV Đại học quốc gia Hà Nội: *Tương đồng văn hóa Việt Nam – Hàn quốc*, Nxb. Văn hóa – thông tin, H., 1936, tr. 110).

Trần Mạnh Hảo: “Không cần luận cứ khoa học và bằng chứng lịch sử, Trần Ngọc Thêm viết: “Điển hình cho loại gốc du mục (trọng động) là các nền văn hóa phương Tây; còn điển hình cho loại gốc nông nghiệp (trọng tĩnh) là các nền văn hóa phương Đông”. Thực ra Trần Ngọc Thêm đã lầm khi cho nền văn hóa phương Tây có nguồn gốc du mục. Nếu cứ lập luận tùy tiện như vậy thì ta có thể gán cho bất cứ nền văn hóa nào cũng có nguồn gốc vượn cả. Thực ra nền văn hóa phương Tây nếu xét lấy Hy Lạp [Hylạp-Lamã] làm khởi điểm là nền văn hóa hải đảo và ven biển. Còn nếu xét xa nhất của nền văn hóa phương Tây được khởi phát từ Lưỡng hà [hai con sông Tigre và Euphrate] và Ai cập cổ đại, thì nó còn có nguồn gốc nông nghiệp còn xưa hơn nguồn gốc văn hóa nông nghiệp Nam Á. Vì nền văn minh Lưỡng hà là nền văn minh nông nghiệp của Assyrie và Babilone đã có trước Công nguyên hàng chục nghìn năm. Cũng như nền văn hóa nông nghiệp sông Nil đã có độ tuổi hơn 5000 năm trước Công nguyên. Do vậy, rõ ràng văn hóa phương Tây có nguồn gốc nông nghiệp xưa hơn vùng Nam Á, nên gốc của từ văn hóa của các ngôn ngữ phương Tây là lấy từ chữ Cultus nghĩa là trồng trọt của tiếng Latinh., Lưu vực của các con sông lớn của châu Âu như Danube, Volga... ngay từ thời cổ đại đã có những cư dân nông nghiệp trồng lúa miến, lúa mạch hay kê...[...]. “Bàn về việc ông Trần Ngọc Thêm cho rằng văn hóa phương Tây gốc du mục có đặc tính là độc tôn, quân chủ, trọng nam khinh nữ, thiên về phân tích, trọng sức mạnh cơ bắp là võ lực và coi thường thiên nhiên, Trần Mạnh Hảo viết: “Nhưng nếu nhìn lại nền văn hóa Hy Lạp cổ đại với sự phát triển rực rỡ nhất của triết học, khoa học và nghệ thuật, đặt cơ sở cho văn hóa phương Tây sau này, sẽ thấy

+ Hai cách phân loại về văn hóa đã được trình bày ở trên gặp nhau ở một điểm: chia văn hóa của loài người thành văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây; đặc điểm của văn hóa phương Đông là tĩnh, đặc điểm của văn hóa phương Tây là động.

Có thể bổ sung những đặc trưng gì cho mỗi nền văn hóa?

Văn minh tĩnh của phương Đông gắn bó với đặc trưng: sự coi trọng những giá trị tinh thần. Văn minh động của phương Tây có quan hệ hữu cơ với đặc trưng: sự quan tâm hàng đầu đến những giá trị vật chất.

"Văn hóa phương Tây lấy con người làm trung tâm vũ trụ"³⁵. Phương Đông Nho giáo xem con người chỉ là một sản phẩm của vũ trụ, giá trị của nó không phải ở tự nó mà ở cái tôn ti nó thiết lập giữa người với người để sao phỏng cái tôn ti trong vũ trụ"³⁶.

Và, nếu Trung Hoa có thể đại diện cho phương Đông ở thời cổ đại và trung đại, thì chúng ta sẽ tiếp tục so sánh đặc trưng của văn hóa phương Tây với đặc trưng của văn hóa phương Đông như sau:

"Văn hoá Trung Quốc cũng như của Việt Nam xưa là văn hóa mô hình". "Trong cái mô hình này chỉ có quan hệ mà không có yếu tố, tức là một vật mà những đặc tính của nó không bao giờ thay đổi trong mọi điều kiện". "Trái lại, văn hóa phương Tây ra sức tìm cho kỳ được yếu tố và các yếu tố kết hợp với nhau ở trong những cấu trúc khác nhau mà không có mô hình chung"; "các yếu tố dù có quan hệ vẫn không thể chuyển hoá được"³⁷ cho nhau.

"Văn hóa phương Tây là văn hóa khái niệm". "Văn hóa của thế giới Nho giáo là văn hóa của những cách ứng xử"³⁸.

Văn hóa phương Tây "làm sản xuất phát triển, biến thế giới thành sản phẩm của con người, thay đổi xã hội, thế giới theo yêu cầu của con người. Tiến bộ, phát triển không phải là những khái niệm của phương Đông. Phương Đông chỉ có khái niệm xoay vòng, đắp đổi theo sự vận xoay của bốn mùa trong vũ trụ."³⁹

Chế độ phong kiến ở phương Tây là "phong kiến lãnh chúa"; chế độ phong kiến ở phương Đông là phong kiến quan lại".⁴⁰

những đặc điểm của nó ngược với những điều ông Thê-mê vừa chỉ ra". Về vấn đề ông Trần Ngọc Thêm bảo Hoa tộc có nguồn gốc văn hóa du mục, Trần Mạnh Hảo cãi: "như các dân tộc khác, Hoa tộc cũng có nguồn gốc xa xưa du mục. Nhưng từ 3000 năm trước Công nguyên Hoa Bắc của chiếc nôì Hoàng hà, văn hóa của họ đã là văn hóa nông nghiệp rồi" (*Cơ sở văn hóa Việt Nam, khoa học hay truyền thuyết?* Văn nghệ số 18, ngày 4/5/1996).

³⁵ Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 77.

³⁶ Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 78. Ở đây chúng tôi có thể nói thêm rằng không chỉ Nho giáo, mà Phật giáo và Lão giáo cũng quan niệm con người là một mảnh của vũ trụ.

³⁷ Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 78.

³⁸ Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 72.

³⁹ Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 80.

⁴⁰ Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 74.

Không thể lấy nguồn gốc du mục và nguồn gốc nông nghiệp để lý giải sự khác biệt về đặc trưng văn hóa giữa phương Tây và phương Đông. Bởi ở phương Tây thời cổ đại, cư dân Hy Lạp, La Mã có nguồn gốc du mục, mà ở phương Đông cổ đại cư dân sáng tạo nên văn hóa rực rỡ Ấn Độ, Trung Hoa cũng là "hậu duệ" của những người sống bằng nghề mục súc; bởi các nền văn minh tối cổ của loài người đều là văn minh nông nghiệp trồng trọt hay phát triển lên từ văn minh nông nghiệp trồng trọt. Khoa học lịch sử đã làm sáng tỏ những điều như vậy.

Phải tìm nguyên nhân của những sự khác biệt về đặc trưng văn hóa của phương Đông và phương Tây ở chỗ khác. Sự khác biệt đó phải chăng là do: a). Văn hóa phương Tây bắt nguồn từ những thành bang trên bờ địa trung hải. Địa trung hải xưa được gọi là cái hồ Hy Lạp, một địa điểm giao thương thuận tiện mà thiên nhiên phú cho con người. Những thành bang ấy sống chính bằng ngoại thương, không biết đến kinh tế tự túc. Cơ sở cho sự giàu có của cư dân ở đây không phải là nông nghiệp, mà là thương nghiệp. Họ có hạm đội lớn, những thành lũy đồ sộ bảo vệ, những hải cảng, những kho hàng, một đội ngũ thợ thủ công đông đảo, có một chế độ giáo dục quân sự nghiêm khắc. Cư dân ở thành bang ấy sản xuất, buôn bán đồng thời ăn cướp, bành trướng lãnh thổ. Đế quốc Hy Lạp và sau đó là đế quốc La Mã trong lịch sử cổ đại phương Tây là những đế quốc giàu có, văn minh với lãnh thổ mênh mông. Trong những thành bang ấy xuất hiện một đội ngũ trí thức quan tâm đến chính trị, triết học, pháp luật, khoa học, văn học và nghệ thuật. Quyền tư hữu, giao kèo (contrat) trong làm ăn buôn bán, thị trường làm ăn buôn bán và giá cả thị trường,... là cốt lõi của những thành bang ven "hồ Hy Lạp" cho sự phát triển của văn minh phương Tây, khiến cho châu Âu có thể khắc phục được "phương thức sản xuất châu Á" tiềm tàng trong các rợ xâm lăng và tàn phá đế chế Lamã. b). Trong khi đó thì văn hóa phương Đông cho đến cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX được xây dựng trên cơ sở nông nghiệp trồng trọt trên lưu vực của những con sông lớn. Thủ công nghiệp chỉ là nghề phụ thuộc, phụ thuộc vào nông nghiệp và nông thôn. Thương nghiệp bị coi là một nghề "trục mạt" (đuổi theo cái ngọn) so với "dĩ nông vi bản" (lấy nông làm gốc). Ở phương Đông, *công xã thị tộc* được bảo lưu trong xã hội có giai cấp và tàn tích của công xã thị tộc tồn tại hết sức lâu dài. Việc không phá vỡ công xã thị tộc, mà bảo lưu nó trong lòng các xã hội có giai cấp là điểm quan trọng nhất quy định những hệ quả văn hóa của phương Đông, cũng là bí mật đầu tiên của hình thái kinh tế - xã hội thường được gọi một cách ước lệ là thuộc *phương thức sản xuất châu Á*⁴¹.

⁴¹ Phương thức sản xuất châu Á (tiếng Anh: the asiatic mode of production; tiếng Pháp: mode de production asiatique) – khái niệm sử học – xã hội học do Karl Marx đề ra. Karl Marx đã đi sâu nghiên cứu đặc điểm của xã hội phương Đông và đưa ra khái niệm này. Nói chung thì trong giai đoạn công xã nguyên thủy tan rã và chuyển sang xã hội có giai cấp, gia đình nhỏ ra đời và phát triển, công xã nông thôn dần dần thay thế cho công xã thị tộc. Công xã nông thôn khác công xã thị tộc do: các thành viên có quyền sở hữu đối với ruộng đất được chia để tự cày cấy (trước đó, quyền sở hữu ruộng

Như vậy, phải chăng một trong những nguyên nhân gây ra sự cách biệt cơ bản của văn hóa phương Tây với văn hóa phương Đông - một bên là văn minh động, văn minh vật chất, một bên là văn minh tĩnh, văn minh tinh thần - là ở chỗ có hay không nhân tố khắc phục được phương thức sản xuất châu Á?

II. VĂN HÓA VIỆT NAM.

đất và kết quả lao động chung cho cộng đồng); công xã nông thôn không dựa vào huyết thống (thị tộc) nữa. Như vậy, có hai yếu tố sở hữu (tư hữu và tập thể) mâu thuẫn nhau, môi trường lịch sử cụ thể từng nơi quyết định yếu tố nào thắng. Riêng về loại hình công xã nông thôn ở châu Á, Karl Marx gợi ra những đặc trưng cơ bản này: quyền sở hữu ruộng đất là hoàn toàn thuộc công xã; cá nhân chỉ có quyền chiếm hữu và sử dụng; cuối cùng, quyền chiếm hữu bao trùm lên hết là của nhà vua (hoàng đế) được thần thánh hóa. Một phần hoa lợi của công xã đóng cho nhà vua, vua ban một phần cống nạp đó cho quan lại. Vua có nhiệm vụ bảo vệ công xã, đất nước bằng quân sự, tổ chức làm những công trình công cộng lớn (thủy lợi, giao thông). Cá nhân không độc lập được với cộng đồng; mỗi cộng đồng (xóm làng, xã), là một đơn vị nông nghiệp – thủ công nghiệp tự cung tự cấp. Thành thị là nơi vua chúa ở và nơi tập trung buôn bán. Thủ công nghiệp bị lệ thuộc vào nông nghiệp ở các làng xã. Với những đặc điểm đó, xã hội có giai cấp và nhà nước đầu tiên ở phương Đông thuộc phạm trù hình thái kinh tế – xã hội chiếm hữu nô lệ, hay phong kiến, hoặc một hình thái kinh tế – xã hội riêng biệt nào khác? Đó là nội dung cơ bản của cuộc tranh luận rộng rãi trên phạm vi thế giới về vấn đề phương thức sản xuất châu Á ; cho đến nay cuộc tranh luận đó vẫn chưa kết thúc.

Theo một quan niệm sử học ở Việt Nam thì vào thời Hùng Vương – An Dương Vương ở nước ta đã xuất hiện xã hội phân hóa giai cấp sơ kỳ với một hình thái kinh tế – xã hội đặc thù của phương Đông. Cơ sở là làng xã định cư dựa vào công xã nông thôn. Mỗi công xã nông thôn quy tụ một số gia đình trên một địa bàn nhất định, ở đó bên cạnh quan hệ láng giềng là quan hệ huyết thống (làng và họ). Quan hệ nô lệ chỉ phát triển đến một mức nhất định, không thành quan hệ chủ đạo. Trên nền tảng phương thức sản xuất châu Á, chế độ phong kiến dần dần hình thành và được xác lập vào thế kỷ XV. Tàn dư của phương thức sản xuất châu Á và cả của chế độ công xã nguyên thủy tồn tại trong chế độ phong kiến Việt Nam một cách dai dẳng, tồn tại ngay cả trong lòng của chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta và ngày nay những tàn dư ấy vẫn còn gây ảnh hưởng tiêu cực đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Học giả nổi tiếng người Anh Arnold Toynbee trong cuốn sách của mình *A study of History*⁴² (Một công trình nghiên cứu về lịch sử) đã cho rằng trong lịch sử nhân loại từng tồn tại 34 nền văn minh, nhưng chỉ có 18 nền văn minh là chịu đựng được sự thử thách của thời gian và phát triển cho đến ngày nay; văn minh Việt Nam, văn minh Trung quốc, văn minh Triều Tiên, văn minh Nhật Bản là 4 nền văn minh Á Đông trong số 18 nền văn minh như vậy của loài người.

1. Văn hóa Việt Nam từ cơ tầng văn hóa Đông Nam Á hội nhập vào văn hóa Đông Á.

Việt Nam là một nước văn hiến với hàng ngàn năm tồn tại và phát triển.

Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, không thể không đặt nước ta trong bối cảnh Đông Nam Á.

Đông Nam Á là một vùng, trong lịch sử xa xưa, bao gồm không gian ngày nay của các nước Đông Nam Á và miền nam Trung quốc bây giờ (lưu vực Nam sông Dương Tử (sông Trường Giang) đến biên giới của nước Đại Việt thời trung đại).

Hầu hết các con sông lớn của Đông Nam Á đều bắt nguồn từ hai dãy núi Himalaya và Thiên Sơn. Lưu vực của những con sông ấy là những đồng bằng đầy phù sa, rất phì nhiêu. Thế nhưng, đặc trưng quan trọng của Đông Nam Á là có độ chênh lệch khá lớn giữa đồng bằng và miền núi, có độ chênh lệch tương đối nhỏ giữa đồng bằng và mặt biển. Đó là Đông Nam Á lục địa. Nhìn ra biển, chúng ta nhìn thấy một Đông Nam Á hải đảo.

Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, chiếm trọn phần Đông của bán đảo này; tính chất bán đảo của nước ta rất nổi bật. Về mặt địa - văn hóa (géo - culture), bản sắc văn hóa Việt Nam là bản sắc bán đảo, tiếp nhận và tích hợp (intégration) cả ảnh hưởng lục địa, cả ảnh hưởng của hải đảo. Nói đúng hơn, theo cái nhìn địa - văn hóa, có thể thấy Việt Nam vùng văn hóa núi, vùng văn hóa đồng bằng và vùng văn hóa biển. Việt Nam, theo cái nhìn ấy, như một Đông Nam Á thu nhỏ. Tuy nhiên cần phải khẳng định rằng văn hóa Việt Nam là văn hóa nông nghiệp lúa nước. Văn minh nông nghiệp lúa nước cũng là đặc trưng của văn minh Đông Nam Á trước khi những nước này hội nhập vào văn minh thế giới.

Trước khi Việt Nam xúc tiếp với văn hóa Trung Hoa và văn hóa Ấn Độ, người Việt Nam dần dần ý thức rằng văn hóa nước ta cần thiết phải tiếp nhận những mặt mạnh trong văn hóa của nước láng giềng "núi liền núi, sông liền sông", mặc dù văn hóa Trung Hoa đến với nước ta trước và trong thời trung đại vừa bằng con đường bạo lực, vừa bằng sự giao lưu tự nguyện, các triều đại phong kiến Trung quốc từ nhà Tần

⁴² Arnold Toynbee: *A study of History*, Oxford University Press and Thames Hudson Ltd, London, 1972.

đến nhà Thanh không bao giờ ngoài cái ý định đồng hoá văn hóa Việt Nam. Trong lúc người Việt Nam ngày càng đẩy mạnh giao lưu văn hóa với Trung Hoa, thì các tộc người khác ở Đông Nam Á chủ yếu tiếp xúc với văn hóa Ấn Độ.

Trong quá trình tiếp xúc với văn hóa Trung Hoa và văn hóa Ấn Độ, cơ tầng văn hóa Đông Nam Á dần dần bị giải thể cấu trúc, nhưng các "mảnh vụn" của nó được bảo lưu trong văn hóa dân gian; những "mảnh vụn" ấy làm nền tảng gìn giữ bản sắc văn hóa của các tộc người trong vùng như di sản chung của Đông Nam Á. Với những "mảnh vụn" ấy, bằng phương pháp phục nguyên, người ta có thể dựng lại mô hình văn hóa Đông Nam Á trước khi bị giải thể cấu trúc; mô hình này được thể hiện bởi 3 hệ thống chính: a). Tổ chức sản xuất và đời sống; b). Tổ chức thiết chế gia đình, làng, nước; c). các nghi lễ nông nghiệp, tín ngưỡng và các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian.⁴³ Phải chăng "một nền canh tác lấy lúa nước làm cơ sở, một cơ cấu làng xã gần như tự trị, một địa điểm tập trung dân bản việc làng, {...}, một tôn giáo phổ biến thờ cúng tổ tiên, một gia đình do người phụ nữ cai quản, một ngôn ngữ Nam Á và vô số những điều khác nữa trong ăn mặc, tục lệ, đình đám, hội hè, vui chơi"⁴⁴ là đặc điểm truyền thống chung của văn hóa Đông Nam Á ?

Trong quá trình lâu dài nói trên, văn hóa Việt Nam từ cơ tầng Đông Nam Á gia nhập vào vùng văn hóa Đông Á - vùng văn hóa bao gồm văn hóa Trung quốc, văn hóa Triều tiên, văn hóa Nhật bản, văn hóa Việt Nam thời trung đại.

Văn hóa nông nghiệp lúa nước của Việt Nam và của các nước Đông Nam Á khác đã có những đóng góp quan trọng vào những thành tựu của văn minh Ấn độ và văn minh Trung quốc. Ngược lại, không thể không thừa nhận rằng văn hóa Ấn độ đã đóng vai trò hạt nhân trong vùng văn hóa Ấn độ rộng lớn và văn hóa Trung quốc đóng vai trò hạt nhân trong vùng văn hóa Đông Á.

Văn hóa Trung quốc với 3 yếu tố - chữ Hán, triều đình quân chủ cha truyền con nối, chế độ giáo dục và thi cử theo Nho giáo để đào tạo quan lại - "thực tế đã cấp cho Việt Nam một bộ mặt riêng khác xa các nước Đông Nam Á khác"⁴⁵. Tất nhiên, văn hóa Việt Nam cũng tiếp nhận và biến đổi sự từ bi hỉ xả từ Phật giáo của Ấn Độ và , như mọi người đều biết, Phật giáo phát triển rực rỡ, đạt đến sự cực thịnh trong thời Lý - Trần, trước khi Nho giáo chiếm địa vị dẫn đạo trong đời sống xã hội ở Việt Nam thời trung đại.⁴⁶

⁴³ Xem Phạm Ngọc Dương: *Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á*, tạp chí Dân tộc học số 2/ 1981, tr. 66 – 72.

⁴⁴ Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 195-196.

⁴⁵ Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 195.

⁴⁶ Chúng tôi không nói Nho giáo chiếm địa vị độc tôn trong thời trung đại ở Việt Nam, vì nói như vậy thì vô hình chung, coi điều "tam giáo đồng nguyên" (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo cùng một nguồn gốc) tồn tại trong tâm linh và ứng xử của người Việt và hỗn dung với tín ngưỡng dân gian của cha ông chúng ta – là không có thực.

Hội nhập vào văn hóa Đông Á, Việt Nam đã trưởng thành nhanh chóng và Việt Nam đã tồn tại, phát triển *tinht lập* với Trung Quốc, với các nước hoa hạ khác. (Nhìn vào lịch sử như thế của Việt Nam, một nhà văn hóa học cao hứng viết: "Không có Việt Nam, toàn bộ Đông Nam Á đã bị Hán hóa từ lâu và nếu tình hình này xảy ra, đừng nói đến một thế giới yên ổn".⁴⁷

2. Chủ thể văn hóa Việt Nam.

Chủ thể của văn hóa Việt Nam ngày nay là dân tộc Kinh và các dân tộc anh em khác⁴⁸ sống trên lãnh thổ Việt Nam từ Nam Quan đến đất mũi Cà Mau với vùng lãnh hải và thềm lục địa ở biển Đông.

⁴⁷ Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 38.

⁴⁸ Số dân và địa bàn cư trú chủ yếu của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (số liệu điều tra năm 1989).

- **Tày:** số dân: 1.190.342; địa bàn cư trú chủ yếu: Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Thái, Lào Cai, Quảng Ninh, Yên Bái, Hà Bắc, Lâm Đồng, Sơn La, Đắc-Lắc.

- **Thái:** số dân: 1.040.549; địa bàn cư trú chủ yếu: Sơn La, Lai Châu, Nghệ An, Thanh Hóa, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình, Lâm Đồng.

- **Mường:** số dân: 914.596; địa bàn cư trú chủ yếu: Hà Tây, Hòa Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phú, Sơn La, Yên Bái, Ninh Bình.,

- **Hoa (Hán):** số dân: 900.185; địa bàn cư trú chủ yếu: Tp Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Minh Hải, Cần Thơ, Sóc Trăng, Kiên Giang, Hải Phòng, Cửu Long, Quảng Ninh...

- **Khmer:** số dân: 895.299; địa bàn cư trú chủ yếu: Cần Thơ, Sóc Trăng, Cửu Long, Kiên Giang, Minh Hải, Tp Hồ Chí Minh, Sông Bé, Tây Ninh.

- **Nùng:** số dân: 705.709; địa bàn cư trú chủ yếu: Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái, Tuyên Quang, Hà Giang, Hà Bắc, Quảng Ninh, Tp Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đắc-Lắc, Yên Bái, Lào Cai.

- **Mông(Mèo):** số dân: 558.053; địa bàn cư trú chủ yếu: Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Lạng Sơn, Nghệ An.

- **Dao:** số dân: 473.945; địa bàn cư trú chủ yếu: Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Thái, Cao Bằng, Lai Châu, Sơn La, Hà Tây, Hòa Bình, Vĩnh Phú, Hà Bắc, Thanh Hóa, Quảng Ninh.

- **Gia-rai:** số dân: 242.219; địa bàn cư trú chủ yếu: Gia-Lai, Kontum, Đắc-Lắc

- **Ê-đê:** số dân: 194.710; địa bàn cư trú chủ yếu: Đắc-Lắc, Gia-Lai, Khánh Hòa, Phú Yên.

- **Ba-Na:** số dân: 136.859; địa bàn cư trú chủ yếu: Gia-Lai, Kontum, Bình Định, Phú Yên.

-
- **Sán Chay (Cao Lan, Sán Chi)**: số dân: 114.012; địa bàn cư trú chủ yếu: Bắc Thái, Hà Tuyên, Quảng Ninh, Hà Bắc, Lạng, Vĩnh Phú, Yên Bái.
 - **Chăm**: số dân: 98.971; địa bàn cư trú chủ yếu: Thuận Hải, Châu Đốc, Tp Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Phú Yên, Bình Định, Đắc-Lắc.
 - **Xê Đăng**: số dân: 96.766; địa bàn cư trú chủ yếu: Kontum, Quảng Nam – Đà Nẵng.
 - **Sán Dìu**: số dân: 94.630; địa bàn cư trú chủ yếu: Quảng Ninh, Hải Hưng, Hà Bắc, Bắc Thái, Vĩnh Phú, Tuyên Quang.
 - **Hrê**: số dân: 94.259; địa bàn cư trú chủ yếu: Quảng Ngãi.
 - **Cơ ho**: số dân: 92.190; địa bàn cư trú chủ yếu: Lâm Đồng, Thuận Hải.
 - **Ra – glai**: số dân: 71.696; địa bàn cư trú chủ yếu: Thuận Hải, Khánh Hòa.
 - **M'ông**: số dân: 67.340; địa bàn cư trú chủ yếu: Đắc-Lắc, Lâm Đồng, Sông Bé.
 - **Thổ**: số dân: 51.274; số dân: 51.274; địa bàn cư trú chủ yếu: Nghệ An, Thanh Hóa (Như Xuân).
 - **Xtiêng**: số dân: 50.194; địa bàn cư trú chủ yếu: Sông Bé, Tây Ninh.,
 - **Khơ-mú**: số dân: 42.853; địa bàn cư trú chủ yếu: Sơn La, Lai Châu Nghệ An.
 - **Bru Vân Kiều**: số dân: 40.132; địa bàn cư trú chủ yếu: Quảng Trị, Thừa Thiên.
 - **Giáy**: số dân: 37.964; địa bàn cư trú chủ yếu: Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Lai Châu.
 - **Càtu**: số dân: 37.967; địa bàn cư trú chủ yếu: Quảng Nam - Đà Nẵng, Kon-tum.
 - **GiéTriêng**: số dân: 26.924; địa bàn cư trú chủ yếu: Quảng Nam -Đà Nẵng, Kon-tum.
 - **Tà-ôi**: số dân: 26.044; địa bàn cư trú chủ yếu: Quảng Trị.
 - **Mạ**: số dân: 22.649; địa bàn cư trú chủ yếu: Quảng Ngãi, Quảng Nam- Đà Nẵng.
 - **Chơ-ro**: số dân: 15.022; địa bàn cư trú chủ yếu: Đồng Nai.
 - **Hà Nhì**: số dân: 12.489; địa bàn cư trú chủ yếu: Lào Cai, Lai Châu.
 - **Chu-ru**: số dân: 10.746; địa bàn cư trú chủ yếu: Lâm Đồng, Thuận Hải.
 - **Lào**: số dân: 9.614; địa bàn cư trú chủ yếu: Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa, Lào Cai.
 - **La Chí**: số dân: 7.863; địa bàn cư trú chủ yếu: Hà Giang.
 - **Phu Lá**: số dân: 6.424; địa bàn cư trú chủ yếu: Lào Cai, Lai Châu, Sơn La.
 - **La Hủ**: số dân: 5.319; địa bàn cư trú chủ yếu: Lai Châu.
 - **Kháng**: số dân: 3.921; địa bàn cư trú chủ yếu: Lai Châu, Sơn La.
 - **Lự**: số dân: 3.684; địa bàn cư trú chủ yếu: Lai Châu.
 - **Pa (Thèn)**: số dân: 3.680; địa bàn cư trú chủ yếu: Tuyên Quang.
 - **Lô-lô**: số dân: 3.134; địa bàn cư trú chủ yếu: cao bằng, Hà Giang, Lào Cai.
 - **Chứt**: số dân: 2.427; địa bàn cư trú chủ yếu: Quảng Bình.
 - **Mảng**: số dân: 2.247; địa bàn cư trú chủ yếu: Lai Châu.

Có nhà nghiên cứu lịch sử khẳng định dân tộc Việt Nam đã hình thành từ thời văn hóa Đông Sơn⁴⁹. Nhiều nhà khoa học khác cho rằng dân tộc Việt Nam đã hình thành trong thời kỳ trung đại, không đợi đến lúc xuất hiện thị trường dân tộc thống nhất. Với những nhà khoa học nhóm thứ ba, cái mốc lịch sử của hình thành dân tộc Việt Nam được đẩy tới thế kỷ XX ...

Vấn đề mà chúng tôi quan tâm ở đây là nguồn gốc của các dân tộc Việt Nam - chủ thể của văn hóa Việt Nam.

Các tộc người Việt Nam ra đời trong phạm vi của trung tâm hình thành loài người phía Đông, trong khu vực hình thành của đại chủng phương Nam⁵⁰.

Đại chủng phương Nam (Australoid) được hình thành vào khoảng 50 - 30 vạn năm trước công nguyên.

Trong những thời kỳ tiếp theo, quá trình hình thành các dân tộc Việt Nam có thể được hình dung như sau:

Vào thời đại đá giữa (khoảng 10.000 năm về trước, một dòng người thuộc đại chủng Mongoloid từ vùng Tây tạng thiên di về phía Đông Nam đến vùng bây giờ được gọi là Đông Dương (Indochine) thì dừng lại. Nơi đây sự hợp chủng giữa dòng

- **Cơ-lao**: số dân: 1.473; địa bàn cư trú chủ yếu: Hà Giang.

- **Bố Y**: số dân: 1.420; địa bàn cư trú chủ yếu: Hà Giang, Lào Cai

- **La Ha**: số dân: 1.396; địa bàn cư trú chủ yếu: Lai Châu, Sơn La.

- **Cốong**: số dân: 1.264; địa bàn cư trú chủ yếu: Lai Châu.

- **Ngái**: số dân: 1.151; địa bàn cư trú chủ yếu: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Đồng Nai, Tp Hồ Chí Minh.,

- **Si-la**: số dân: 594; địa bàn cư trú chủ yếu: Lai Châu.

- **Pu-péo**: số dân: 382; địa bàn cư trú chủ yếu: Hà Giang

- **Brau**: số dân: 231; địa bàn cư trú chủ yếu: Kon-tum

- **Rơ-măm**: số dân: 277; địa bàn cư trú chủ yếu: Kon-tum

- **Ố-đu**: số dân: 32; địa bàn cư trú chủ yếu: Nghệ An.

⁴⁹ Xã hội Việt cổ trong thời kỳ văn hóa Đông Sơn hình thành phù hợp với thời điểm mà Mác và Angghen đã nói trong *Hệ tư tưởng Đức*, “từ thời đại dã man lên thời đại văn minh, từ tổ chức bộ lạc lên Nhà nước (aus dem stammwesen in den Staat), từ tính địa phương lên dân tộc (aus der Lokalitat in die Nation)” (trong Mác – Angghen: *Phoi obác, sự đối lập giữa quan điểm duy vật chủ nghĩa và quan điểm duy tâm chủ nghĩa* (chương I của *Hệ tư tưởng Đức*), Nxb. Sự thật, H., 1977, tr. 84). Chính dựa vào quan điểm này của Mác và Ang ghen mà chúng tôi nghĩ rằng dân tộc (Nation) Việt cổ đã hình thành trong thời kỳ văn hóa Đông Sơn (Hà Văn Tấn: *Giao lưu văn hóa ở người Việt cổ*, trong Đại học quốc gia Hà Nội: *Văn hóa đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 1996, tr. 71).

⁵⁰ Ở trung tâm phía Tây hình thành hai đại chủng: Đại chủng Âu (Européoid) và đại chủng Phi (Négoïd); ở trung tâm phía Đông hình thành hai đại chủng: đại chủng Á (Mongoloid) và đại chủng Úc (còn được gọi là đại chủng phương Nam, Australoid).

người này với dân cư bản địa Mélanésien (còn được gọi là Cổ Mã Lai) với nước da ngăm đen, tóc gợn sóng, nhỏ con. Lan rộng ra từ nơi đây, những người chủng Indonésien sinh sống trên toàn bộ khu vực Đông Nam Á cổ. Đông Nam Á lúc đó là một vùng rộng lớn, bao gồm: lưu vực sông Dương tử (Trường Giang) ở phía Bắc, bang Assam của n Độ ở phía Tây, quần đảo Philippines ở phía Đông, các đảo Indonesia ở phía Nam.⁵¹(Có nhà nghiên cứu Đông Nam Á, trong bài giảng của mình, còn nghĩ rằng Đông Nam Á lúc bấy giờ còn trùm lên vùng đất Australia ngày nay).

Vào cuối thời đại đá mới, đầu thời đại đồng (cách ngày nay khoảng gần 5000 năm), ở khu vực Nam Trung Hoa và Bắc Đông Dương bây giờ (Nam sông Dương Tử đến lưu vực sông Hồng), sự tiếp xúc giữa đại chủng Mongoloid với những người Indonésien một cách thường xuyên đã dẫn tới việc hình thành chủng mới Austroasiatique (chủng Nam Á).

Chủng Austroasiatique được chia thành nhiều chủng tộc mà thư tịch cổ của Trung Hoa và Việt Nam gọi là Bách Việt, như Điền Việt, Dương Việt, Mân Việt, Đông Việt, Nam Việt, Quế Việt, Di Việt, Âu Việt, Lạc Việt,⁵² ... sống trên một khu vực rộng lớn từ phía nam sông Dương Tử đến Bắc Trung bộ Việt Nam hiện nay. Các chủng tộc này hợp thành những khối cư dân mà ban đầu mỗi khối nói một ngôn ngữ riêng, như Môn - Khmer, Việt - Mường, Tày - Thái, Mèo - Dao. Sự chia tách tiếp diễn, đưa tới sự hình thành các tộc người cụ thể (cùng với sự chia tách ngôn ngữ); trong quá trình này tộc người Việt (Kinh) đã tách ra khỏi khối Việt - Mường, vào khoảng thế kỷ 7-8⁵³.

Trong khi đó dọc theo dải Trường Sơn của Việt Nam vẫn là nơi sinh sống của những người Indonésia. Nơi đây cuộc sống biệt lập của họ đã lưu giữ được nhiều hơn những đặc điểm của văn hóa cổ gần gũi với văn hóa của những cư dân ở các hải đảo. Họ là tổ tiên của những tộc người Chăm, Raglai, Êđê, Churu, Gialai, Bana, Xêđăng... Ngôn ngữ của những cư dân Nam đảo (Austronésien) này cũng gìn giữ được nhiều nét tương đồng với ngôn ngữ của các cư dân hải đảo.⁵⁴

⁵¹ Xem Nguyễn Đình Khoa: *Các dân tộc ở miền Bắc Việt Nam* (dẫn liệu nhân chủng học), Nxb. Khoa học xã hội, H., 1976, tr. 160.

⁵² Điền Việt ở Vân Nam, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở Quảng Tây và Bắc bộ Việt Nam ngày nay (xem Nguyễn Đình Khoa: s.đ.d., tr. 171).

⁵³ Xem Nguyễn Văn Tài: *Góp thêm tài liệu cho việc đoán định thời điểm chia tách hai ngôn ngữ Việt và Mường*, tạp chí Dân tộc học số 3/ 1978.

⁵⁴ Xem Nguyễn Đình Khoa: t.1, đ.d.; Viện dân tộc học: *Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 1984; Phạm Đức Dương: *Nguồn gốc tiếng Việt: từ tiền Việt – Mường đến Việt – Mường chung*, trong sách *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*, Viện Đông Nam Á xuất bản, H., 1983; Hà Văn Tấn: *Văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam thời tiền sử*.

“Những dấu vết của văn hóa Đông Nam Á mà người Kinh trải qua trước khi tiếp xúc biểu hiện ở đồng bào Tây Nguyên. Rồi sự tiếp xúc giữa Việt Nam như một tổng thể với văn hóa Đông Nam Á từ nam Dương tử biểu lộ ở người Tày, Thái, người Nùng.

Sau đó là người Mường là một sự hợp huyết giữa các cư dân Nam Á với cư dân Đông Nam Á trong đó yếu tố Hán có vị trí đáng kể. Cuối cùng là văn hóa Kinh trong đó yếu tố văn hóa Hán đậm hơn cả” (Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 30.)

Theo chúng tôi, trong tình hình các tư liệu lịch sử, khảo cổ học và dân tộc học có được hiện nay, nếu nhà nghiên cứu về nguồn gốc các dân tộc Việt Nam dừng lại ở những điều đã nêu ở trên, thì bạn đọc (bao gồm bạn đọc bình thường, “ngoại đạo” và bạn đọc có trình độ chuyên sâu) có thể tạm chấp nhận. Còn nếu các kết luận được đưa đi quá xa, thì khác chi chúng ta cùng nhau trở lại với ... dã sử, huyền thoại, đặng thỏa mãn “sự tự ái” của chúng ta. Về vấn đề nguồn gốc các dân tộc Việt Nam, khi phản ứng không đồng tình với những ai dựa vào dã sử, huyền thoại, một độc giả viết: “Như chúng ta đều biết, việc xác minh nguồn gốc các dân tộc trên thế giới, thậm chí ngay cả nguồn gốc nhân loại, cũng còn ở trong vòng tranh cãi, chưa thể tìm ra một cách giải thích duy nhất. Cũng như vậy, nguồn gốc dân tộc Việt Nam đang còn nằm trong giả thiết. Gốc Indonésie lai Mongol của chúng ta là giả thiết dễ được tạm thời chấp nhận. Khi Thục Phán xâm lược Văn Lang lập ra nước Âu Lạc, gọi là văn minh Lạc Việt vào năm 257 trước Công nguyên, thì thời đại Hùng Vương vua họ Hồng Bàng đã tồn tại trên dưới hai ngàn năm trước. Trong khoảng hai ngàn năm ấy, người Giao Chỉ có phải là một nhánh của Bách Việt hay không thì lịch sử chưa đủ cứ liệu để xác minh. Việc cho nguồn gốc người Việt Nam là một nhánh của Bách Việt di cư từ hồ Động Đình, phía Nam Dương tử đến, chỉ là một giả thuyết. Cũng như có vị học bảo gốc ta từ nước Việt của Việt Vương Câu Tiễn di cư xuống từ 600 năm trước Công Nguyên, vì giọng nói ta với dân Phúc Kiến hao hao nhau, cũng chỉ là giả thuyết. Rất có thể suốt 2000 năm văn hóa Văn Lang, chúng ta chưa có liên hệ gì với Bách Việt phía nam sông Dương tử cả? Chẳng như văn hóa Lạc chỉ được trộn với văn hóa Việt khi Thục Phán đến nước ta lúc Tần Thủy Hoàng vừa làm chủ lục quốc [sáu nước: Hàn, Triệu, Ngụy, Kinh, Yên, Tề. Lê Chí Dũng thêm] bên Trung Nguyên? Do vậy, việc Kim Định và Trần Ngọc Thêm cố sức dùng huyền sử luận để chứng minh dân tộc ta từ 4000 năm trước có nguồn gốc Bách Việt, từ Động Đình hồ xuống, mới chỉ là giả thuyết. Để từ đó họ luận rằng, văn hóa nông nghiệp Lạc Việt của chúng ta có nguồn gốc Viêm đế, Tam Miêu, từng đặt nền móng cho văn hóa du mục cổ đại Trung Hoa, là một việc làm hoàn toàn chưa được kiểm chứng và xác nhận. Trong bộ *Việt Nam văn minh sử* của học giả Lê Văn Siêu (do Trung tâm học liệu Bộ Giáo dục Sài Gòn in năm 1972, tr. 38) có viết: “Nhưng làm thế nào chứng minh nổi gốc cũ ta là Tam Miêu (một nhóm của Bách Việt – chú dẫn của TMH)? Mặc dầu sử cũ có ghi, và mặc dầu có những lý luận thông thái của L.M. [linh mục] Lương Kim Định dựa vào những nghĩa chữ chỉ có ở 1.500 năm sau. Cho nên không thể nhận gốc cũ của ta là Tam Miêu”.

“Như vậy, lập luận căn bản để làm nên công trình *Cơ sở văn hóa Việt Nam* [sách dày 382 trang do trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1996] của Trần Ngọc Thêm: “Phát sinh từ nền văn hóa Nam Á Bách Việt, triết lý âm dương đã trở thành cơ sở nhuần nhuyễn cho việc hình thành tính cách người Việt Nam sau này”

3. Lịch trình văn hóa Việt Nam.

3.1. Thời kỳ tiền sử (préhistoire).

Nghiên cứu thời kỳ này, chúng ta hãy tiếp xúc với văn hóa núi Đọ, văn hóa Thần Sa, văn hóa Sơn Vi.

Đó là thời kỳ trước khi xuất hiện nền văn hóa Đông Sơn. Trong thời kỳ tiền sử một cơ tầng văn hóa chung cho tất cả cư dân vùng Đông Nam Á - dù họ thuộc ngữ hệ nào trong các ngữ hệ chủ yếu Tày - Thái, Việt - Mường, Nam Á, Nam đảo, Hán - Tạng, đã dần dần hình thành.

Vào khoảng thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã có trình độ phát triển văn hóa cao: nông nghiệp đã trở thành sinh nghiệp chủ yếu của tuyệt đại đa số của cư dân Đông Nam Á (ở sườn đồi, sườn núi thấp người ta đốt rừng làm rẫy, trồng lúa cạn (lúa lóc); ở thung lũng, đồng bằng ven biển, người ta gieo cấy lúa nước. Tại nhiều nơi người ta không chỉ biết cuốc đất (không phải bằng cuốc đồng hay cuốc sắt), mà còn biết dùng trâu, bò để cày bừa. Ở ven các dòng sông và ven biển dân bản địa thạo nghề đi biển và đánh bắt hải sản).

Ở các vùng núi cư dân còn ở trình độ tổ chức bộ lạc; nhưng ở trung du và đồng bằng cư dân đã dần dần vươn đến trình độ tổ chức liên minh bộ lạc.

(*) 4. Ngữ hệ: 1. Ngữ hệ Nam Á; 2. Ngữ hệ Thái; 3. Ngữ hệ Nam đảo; 4. Ngữ hệ Hán - Tạng.

Trong thời kỳ này cư dân đã tiến từ thời đá cũ (paléolithique) sang thời đồ đá giữa (mésolithique) đến thời đồ đá mới (néolithique).

(tr. 61), hoàn toàn chỉ là giả thuyết, không hội đủ cơ sở khoa học. Vì hầu hết lập luận của tác giả là suy đoán chủ quan, cứ kết luận khời khời theo kiểu: “Người Việt vẫn giữ được một biểu tượng âm dương có truyền thống lâu đời hơn - biểu tượng vuông tròn. Có vuông có tròn tức là có âm dương” (tr. 60). Thậm chí phương pháp luận bắt ốc nói mò của tác giả còn thiếu những hiểu biết căn bản: “Nếu chấp nhận giả thuyết coi lịch âm dương có nguồn gốc phương Nam thì sẽ giải đáp được hàng loạt sự kiện mà giả thuyết phương Bắc của lịch này phải chịu bó tay: đó là việc nhiều nơi ở Việt Nam còn lưu giữ những dấu vết cổ xưa về hệ tháng nguyên thủy bắt đầu từ tháng tý, quan niệm về ngày tết Đoan Ngọ giữa năm ...” (tr. 98). “Tết Đoan Ngọ (5 - 5) là tết của người Thung Hoa, để tâm hồn [chắc là người ta in sai mấy chữ: để tưởng niệm hương hồn] Khuất Nguyên trên sông Mịch La, chứ không phải là ngày tết giữa năm của người phương Nam như ông lầm tưởng” (Trần Mạnh Hảo: t.l.đ.d.).

3.2. Thời kỳ sơ sử (protohistoire)

Đó là thời kỳ của văn hóa Đông Sơn toả sáng, thời kỳ đồ đồng và đồ sắt sớm.

Đây là thời kỳ hình thành và tồn tại nhà nước Văn Lang của các vua Hùng và tiếp đó - nhà nước Âu Lạc của vua An Dương (là nhà nước cổ nhất ở Đông Nam Á) với thủ đô Cổ Loa (thủ đô xưa nhất của vùng này).

3.3. Thời kỳ Bắc thuộc.

Năm 179 trước Công nguyên, nước Âu Lạc bị Triệu Đà thôn tính; Triệu Đà lập nước Nam Việt. Năm 111 trước Công nguyên, nhà Hán chiếm nước Nam Việt. Từ đây nước ta bị rơi vào tình cảnh Bắc thuộc. Trong hơn mười thế kỷ Bắc thuộc các vương triều Trung quốc từ Hán đến Đường đã thi hành chính sách cai trị tàn bạo hòng Hán hoá tổ tiên ta, vĩnh viễn biến nước ta thành một bộ phận của Trung quốc.

Thế nhưng, trong thời kỳ Văn Lang, nhất là trong thời kỳ Âu Lạc, người Việt đã ở trình độ tổ chức nhà nước và, với ý thức cộng đồng vững chắc người Việt đã vươn tới một trình độ văn minh cao và có bản sắc (identité) độc đáo. Suốt trong ngàn năm Bắc thuộc đã diễn ra cuộc đấu tranh của người Việt để giữ vững bản sắc văn hóa của mình. Sự đề kháng văn hóa diễn ra trường kỳ. Sự đề kháng ấy thường là âm ỉ, như mạch nước ngầm, nhưng hễ có thời cơ thì lập tức bùng lên thành các cuộc khởi nghĩa vũ trang (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa của Bà Triệu, khởi nghĩa của Lý Bôn, khởi nghĩa của Triệu Quang Phục, các cuộc khởi nghĩa của Lý Tự Tiên và Đinh Kiến, của Mai Thúc Loan, của Phùng Hưng, của Dương Thanh,...).

Trong thời Âu Lạc nông nghiệp lúa nước khá phát triển, văn hóa đã chuyển dần từ giai đoạn cao của thời kỳ đồng thau sang giai đoạn sớm của thời kỳ đồ sắt. Mặc dù nước ta bị rơi vào ách Bắc thuộc, bọn thái thú, thứ sử, đô hộ - các loại quan cai trị của Trung quốc - chưa bao giờ đủ sức đưa tay tới đơn vị cơ sở của xã hội là công xã nông thôn. Và, bất chấp chính sách văn hóa tàn bạo và tử mĩ của phong kiến Trung quốc, văn hóa của tổ tiên ta ít nhất vẫn được bảo vệ, nuôi dưỡng ở cơ sở đó của xã hội. Văn hóa ấy lại phát triển trong sự tiếp biến văn hóa ngày càng sâu rộng với nhân dân các nước láng giềng, đặc biệt là với Trung quốc và Ấn Độ. Và, không thể nói là văn hóa Trung quốc không thu hái được gì khi tiếp xúc với văn hóa Âu Lạc. Lại không thể không thấy rằng những người Trung quốc sang nước ta, vì chạy loạn hay vì lý do khác, đã được Việt hoá và trong số họ có những người đã tổ chức khởi nghĩa chống lại ách thống trị hà khắc của Hán tộc.

Từ đầu Công nguyên trở đi xã hội Việt Nam dần dần bước vào thời kỳ phát triển đồ sắt. Cày sắt với trâu bò kéo ngày càng phổ biến cùng với việc mở rộng công cuộc đắp đê, đắp đập ngăn lũ lụt, đào kênh, khơi ngòi để tưới nước, tiêu nước và với việc ngày càng sử dụng nhiều loại phân bón (như phân chuồng, phân bắc, phân xanh...) dần dà đã đưa lại một nền lúa nước thâm canh. Lúc bấy giờ ông cha chúng ta đã biết

dùng kiến vàng để diệt sâu bọ ở cây cam, cây đào; phụ nữ Giao chỉ đã dệt một loại vải hoa được gọi là vải "bach điệp", dệt được lụa bằng tơ chuối, rất nồn nà mà người Trung quốc gọi là "lụa Giao chỉ". Ông cha chúng ta thời ấy có nghề nuôi trai lấy ngọc, nghề khảm xà cừ. Và công nghệ chế tác các vật phẩm bằng thuỷ tinh, học được từ Ấn độ và từ Trung Á, đã đạt tới trình độ cao ở thế kỷ III; tiếp thụ công nghệ làm giấy của Trung quốc, người Việt đã đưa công nghệ ấy lên một trình độ cao hơn, sản xuất giấy từ vỏ cây dó và rêu biển, làm được giấy từ vỏ và lá cây trầm hương, rất thơm và bền ...

Trong khi gìn giữ truyền thống văn hóa tinh thần của dân tộc, như ý thức cộng đồng, tinh thần "dân chủ chất phác", tinh thần coi trọng phụ nữ, người Việt đã tiếp biến văn hóa (acculturation), từ văn hóa Ấn độ và Trung quốc: Phật giáo, chữ Hán và Nho giáo, Đạo giáo, khoa cử Trung Hoa, ...

Xã hội Việt Nam dần dần chuyển sang chế độ phong kiến. Chế độ gia đình mẫu quyền từng bước được thay thế bằng chế độ gia đình phụ quyền.

Một giai cấp phong kiến Việt Nam hình thành. Và, từ các thế kỷ V, VI trở đi các cuộc đấu tranh của người Việt không chỉ mang tính chất đỉnh cao của sự đề kháng văn hóa của văn hóa bản địa chống sự Hán hoá, mà còn là sự sử dụng những hệ ý thức tiếp thụ được từ Trung quốc như là vũ khí bổ sung vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Điều này thể hiện rõ ở cuộc khởi nghĩa của Lý Bôn và nhà nước Vạn Xuân của ông.

Văn hóa Việt đến thời kỳ tích lũy đủ, đảm bảo thắng lợi cho công cuộc giải phóng đất nước, xây dựng quốc gia độc lập, tự chủ.

3.4. Thời kỳ văn hóa Đại Việt.⁵⁵

Thời kỳ này khởi đầu từ chiến thắng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng năm 938 đến hết thế kỷ XIX.

Đây là thời kỳ phát triển, mở rộng, định hình về bản sắc và không gian của văn hóa truyền thống Việt Nam.

3.5. Thời kỳ văn hóa cận hiện đại Việt Nam.⁵⁶

Đây là thời kỳ văn hóa Việt Nam ra khỏi văn hóa khu vực Đông Á, hội nhập từng bước vào văn hóa nhân loại.

Thời kỳ này được chia thành hai giai đoạn:

+ Văn hóa Việt Nam dưới thời Pháp thuộc;

⁵⁵ Ở những chỗ này chúng tôi đưa ra một đề cương giản lược để định hướng người giảng bài và định hướng sự tích lũy kiến thức của sinh viên.

⁵⁶ Ở những chỗ này chúng tôi đưa ra một đề cương giản lược để định hướng người giảng bài và định hướng sự tích lũy kiến thức của sinh viên.

+ Văn hóa Việt Nam trải qua Cách mạng, kháng chiến và kiến quốc, tiến tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

III. VĂN HÓA VIỆT NAM MỞ RỘNG ĐỊA BÀN TỪ BẮC VÀO NAM.⁵⁷

IV. CÁC LỚP VĂN HÓA VIỆT NAM.⁵⁸

1. Lớp văn hóa bản địa.

2. Lớp văn hóa tiếp biến văn hóa Ấn Độ.

3. Lớp văn hóa tiếp biến văn hóa Trung Quốc.

4. Lớp văn hóa tiếp biến văn hóa của các tộc người anh em trên đất nước Việt Nam.

5. Lớp văn hóa tiếp biến văn hóa Châu Âu.

Ở đây một câu hỏi nên đặt ra để suy nghĩ và nghiên cứu, sao cho có thể đưa ra câu trả lời thuyết phục nhất:

+ Văn hóa Việt Nam được tổng hợp thành một hệ thống nhất chặt chẽ trong sự đa dạng? hay:

+ Văn hóa nước ta được cấu trúc theo lối bricolage⁵⁹

V. CHÚNG TA NGHĨ GÌ VỀ ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA VIỆT NAM?

Đây là một vấn đề phức tạp. Xin đưa ra mấy gợi ý sau đây để suy nghĩ về vấn đề này:

+ Văn hóa Việt Nam tiếp nhận tất cả cái hữu ích, cái hay từ văn hóa nước ngoài và loại bỏ tất cả những gì vô ích, xấu, dở ngoại lai bằng thao tác "lấy" (thủ) và "bỏ"

⁵⁷ Ở những chỗ này chúng tôi đưa ra một đề cương giản lược để định hướng người giảng bài và định hướng sự tích lũy kiến thức của sinh viên.

⁵⁸ Ở những chỗ này chúng tôi đưa ra một đề cương giản lược để định hướng người giảng bài và định hướng sự tích lũy kiến thức của sinh viên.

⁵⁹ Xem Phan Ngọc: s.đ.d., tr. 108 – 109) và các trang khác.

(xả), để xây dựng và phát triển văn hóa đất nước, hoà nhập vào văn hóa khu vực, rồi hoà nhập vào văn hóa nhân loại.

+ Văn hóa nông nghiệp lúa nước. Văn hóa nông nghiệp lúa nước trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trong nền văn minh tin học (nhưng số người ăn gạo hiện nay là bốn tỉ và sẽ tăng lên với thời gian? Nước trên trái đất sẽ không đủ cho lúa nước, nếu không có giống lúa nước hấp thu nước ngày càng ít?).

+ Vị trí của văn hóa làng xã.

+ Cơ cấu xã hội - chính trị: nhà - làng - nước.

+ Hai đối tác lớn của văn hóa Việt Nam hôm nay: văn hóa Trung Hoa và văn hóa Hoa Kỳ.

VI. CÁC VÙNG VĂN HÓA VIỆT NAM.⁶⁰

1. Vùng văn hóa miền núi phía Bắc.

Vùng văn hóa này có thể được chia thành các tiểu vùng văn hóa: a) tiểu vùng văn hóa xứ Lạng; b) tiểu vùng văn hóa Đông Bắc.

2. Vùng văn hóa Tây Bắc.

Bao gồm các tiểu vùng văn hóa; a) tiểu vùng văn hóa Thái; b) tiểu vùng văn hóa Mường - Thái.

⁶⁰ Xem Khái vinh (chủ biên) và Nguyễn Thanh Tuấn: *Chấn hưng các vùng và tiểu vùng văn hóa của nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1995. Trong sách *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam* do Ngô Đức Thịnh chủ biên, Nxb. Khoa học xã hội, H., 1993 các nhà nghiên cứu đã phác thảo những vùng văn hóa sau đây:

1. Vùng văn hóa đồng bằng Bắc bộ; 2. Vùng văn hóa Việt Bắc; 3. Vùng văn hóa Tây Bắc và miền núi Bắc Trung bộ; 4. Vùng văn hóa đồng bằng duyên hải Bắc Trung bộ; 5. Vùng văn hóa duyên hải Trung và Nam Trung bộ; 6. Vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên; 7. Vùng văn hóa Gia Định - Nam bộ.

Trong sách *Các vùng văn hóa Việt Nam* do Đinh Gia Khánh và Cù Huy Cận chủ biên, Nxb. Văn học, H., 1995 các tác giả lại thấy ở Việt Nam hiện diện 9 vùng văn hóa:

1. Vùng văn hóa đồng bằng miền Bắc; 2. Vùng văn hóa Việt Bắc; 3. Vùng văn hóa Tây Bắc; 4. Vùng văn hóa Nghệ - Tĩnh; 5. Vùng văn hóa Thuận Hóa - Phú Xuân; 6. Vùng văn hóa Nam Trung bộ; 7. Vùng văn hóa Tây Nguyên; 8. Vùng văn hóa đồng bằng miền Nam; 9. Vùng văn hóa Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.

3. Vùng văn hóa đồng bằng sông Hồng.

Bao gồm các tiểu vùng văn hóa: a) tiểu vùng văn hóa Thăng Long - Hà Nội; b) tiểu vùng văn hóa Xứ Đoài (hay tiểu vùng văn hóa đất tổ Hùng Vương); c) tiểu vùng văn hóa Kinh Bắc; d) tiểu vùng văn hóa Hải Đông; e) tiểu vùng văn hóa Sơn Nam.

4. Vùng văn hóa Bắc Trung bộ.

Bao gồm các tiểu vùng văn hóa: tiểu vùng văn hóa(xứ Thanh); b) tiểu vùng văn hóa Nghệ Tĩnh; c) tiểu vùng văn hóa Bình - Trị - Thiên.

5. Vùng văn hóa duyên hải Nam Trung bộ.

Bao gồm các tiểu vùng văn hóa: a) tiểu vùng văn hóa xứ Quảng; b) tiểu vùng văn hóa Chăm - Việt.

6. Vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên.

Bao gồm các tiểu vùng văn hóa: a) tiểu vùng văn hóa Trường Sơn; b) tiểu vùng văn hóa Trung Tây Nguyên; c) tiểu vùng văn hóa Bắc Tây Nguyên; d) tiểu vùng văn hóa Nam Tây Nguyên.

7. Vùng văn hóa Đồng Nai - Gia Định (Đông Nam bộ).

Bao gồm các tiểu vùng văn hóa: a) tiểu vùng văn hóa trung và thượng lưu sông Đồng Nai; b) tiểu vùng văn hóa hạ lưu sông Đồng Nai.

8. Vùng văn hóa đồng bằng sông Cửu Long.

Bao gồm các tiểu vùng văn hóa: a) tiểu vùng văn hóa phù sa mới; b) tiểu vùng văn hóa ven biển; c) tiểu vùng văn hóa bán đảo Cà Mau; d) tiểu vùng văn hóa miền đất trũng phía Tây sông Hậu; e) tiểu vùng văn hóa tứ giác Long Xuyên; g) tiểu vùng văn hóa Đồng Tháp Mười.

Nghiên cứu các vùng văn hóa ở Việt Nam, chúng ta sẽ thấy rõ *sự tiếp biến văn hóa* (acculturation) giữa các dân tộc anh em trên đất nước này; thấy rõ văn hóa Việt Nam là *thống nhất trong đa dạng*.

Ở đây chúng ta cũng thấy rõ ranh giới hành chính là không có mấy ý nghĩa so với ranh giới văn hóa giữa các dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt Nam, giữa các vùng văn hóa là tương đối ổn định, ổn định nhưng không bất biến. Chúng ta hãy quan sát

những ranh giới ấy trong điều kiện đất nước công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập vào khu vực, vào thế giới ngày nay...

CHƯƠNG HAI: MỘT SỐ LĨNH VỰC VĂN HÓA

Ở chương này chúng tôi nghiên cứu một số lĩnh vực sau đây của văn hóa Việt Nam: văn hóa vật chất; văn hóa tinh thần; văn hóa tổ chức, quản lý; văn hóa giao tiếp, ứng xử; văn hóa tái sản xuất sinh học - xã hội.

Trong hoạt động của người những lĩnh vực này của văn hóa là một chỉnh thể không thể chia cắt được, chúng đan xen nhau, hoà vào nhau, trong cái này có cái kia và ngược lại, trong cái kia có cái này. Ở đây chúng tôi nhìn văn hóa bằng cái nhìn cấu trúc, thấy ở văn hóa hiện diện năm lĩnh vực và tập trung sự chú ý vào năm lĩnh vực đó. Đó là một thao tác nghiên cứu.

I. VĂN HÓA VẬT CHẤT.

Những mặt quan trọng nhất của văn hóa vật chất là những mặt hoạt động vật chất quyết định sự sinh tồn và phát triển của con người: ăn, ở, mặc, đi lại, chữa bệnh.

Ở Việt Nam hiện diện văn hóa núi, văn hóa đồng bằng và văn hóa biển; nhưng đặc trưng của văn minh Việt Nam cổ truyền là *văn minh nông nghiệp lúa nước*, nền văn hóa đồng bằng giữ vai trò quyết định trong sự tồn tại và phát triển của văn hóa đất nước. Những điều như vậy mang lại những đặc sắc cho văn hóa *ăn, ở, mặc, đi lại, chữa bệnh...* của nhân dân Việt Nam.

Giảng văn hóa vật chất, chúng ta phải chỉ ra được *những cái gì được sản xuất ra, cách sáng tạo và cách sử dụng chúng* cho ăn, ở, mặc, đi lại, chữa bệnh,... và, khi làm những việc như vậy người Việt Nam *vừa lợi dụng tự nhiên, vừa đối phó với tự nhiên*, nhưng theo quan niệm "thiên nhân hợp nhất", "đồng loại tương động", theo triết lý "âm dương", "ngũ hành" vừa "tương sinh" vừa "tương khắc", song "tương sinh" là chủ yếu.⁶¹

⁶¹ Giáo sư Trần Quốc Vượng chủ biên: *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, H., 1996, coi văn hóa Việt Nam bao gồm các thành tố: 1. Ngôn ngữ; 2. Nghệ thuật trình diễn; 3. Kiến trúc; 4. Thông tin, tín hiệu; 5. Mass Media; 6. Văn chương; 7. Nhiếp ảnh, điện ảnh; 8. Lối sống; 9. Nghệ thuật tạo hình; 10. Tín ngưỡng; 11. Phong tục, tập quán; 12. Nghệ thuật âm thanh; 13. Lễ hội; 14. Sân khấu tuồng, chèo, kịch [và rối nước, ca kịch cải lương. Lê Chí Dũng thêm]. Trong các thành tố này thì: a) ngôn ngữ; b) tín ngưỡng; c) phong tục – lễ tết – lễ hội; d) nghệ thuật âm thanh và nghệ thuật trình diễn; e) nghệ thuật tạo hình; g) nhà cửa – kiến trúc được coi là một số thành tố cơ bản.

Các tác giả của *Cơ sở văn hóa Việt Nam* còn dùng thuật ngữ các thiết chế văn hóa và các thiết chế ấy là văn hóa sản xuất, văn hóa vũ trang, văn hóa sinh hoạt.

TS – PGS Trần Ngọc Thêm trong *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, s.đ.d., xem văn hóa như một hệ thống gồm bốn thành tố (bốn tiểu hệ) cơ bản: 1. Văn hóa nhận thức (a/

Đầu thế kỷ XX Việt Nam đã bước vào thời đại văn minh cơ khí. Ngày nay, đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, để Việt Nam trở thành một nước công nghiệp vào khoảng năm 2020, đồng thời cũng đang tiến tới thời đại văn minh trí tuệ, ở đó con người thực sự là trung tâm của cuộc sống - xã hội.

Tuy nhiên, văn minh nông nghiệp lúa nước vẫn còn hiện diện trong đời sống - xã hội của chúng ta hôm nay với tất cả những ưu điểm và khuyết điểm của nó. Ở đây cần nhấn mạnh rằng sản xuất nông nghiệp lúa nước vẫn giữ một vai trò quan trọng trong vấn đề bảo đảm an toàn lương thực cho đất nước, rằng sản xuất cái gì, cách sáng tạo và sử dụng chúng để phục vụ việc ăn, ở, mặc, đi lại, chữa bệnh, ... của nhân dân ta vẫn mang đặc sắc Việt Nam, có mối quan hệ và liên hệ hữu cơ với xã hội và tự nhiên của đất nước này, trong khi Việt Nam hoà nhập vào khu vực và hoà nhập vào thế giới, trong khi, mặt khác, thế giới là đa cực và dung chứa ở nó xu hướng phân tán ...

nhận thức về vũ trụ; b/ nhận thức về con người); 2. Văn hóa tổ chức cộng đồng (a/ tổ chức đời sống tập thể; b/ tổ chức đời sống cá nhân); 3. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên (a/ văn hóa tận dụng môi trường tự nhiên, b) văn hóa ứng phó với môi trường tự nhiên); 4. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội (a/ văn hóa tận dụng môi trường xã hội, b/ văn hóa ứng phó với môi trường xã hội).

Các tác giả của *Chấn hưng các vùng và tiểu vùng văn hóa ở nước ta hiện nay* viết: “Tính thống nhất và tương đồng của văn hóa Việt Nam thể hiện qua hàng loạt những yếu tố chung của đời sống văn hóa sản xuất, văn hóa sinh tồn (ăn, mặc, ở), văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần” (tr. 240).

Đào Duy Anh trong *Việt Nam văn hóa sử cương*, như đã được chú thích, đã dựa theo F. Sartiaux để chia văn hóa thành ba bộ phận: sinh hoạt kinh tế, sinh hoạt xã hội và sinh hoạt trí thức.

L. White trong *The science of culture*, New York, 1949, coi văn hóa gồm các thành tố: công nghệ, xã hội và tư tưởng.

Học giả Liên Xô M. S. Kagan chia văn hóa thành ba lĩnh vực: văn hóa nghệ thuật, văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần (xem *Hoạt động của con người*, Nxb. Khoa học, Moskva, 1974).

Ông Văn Tân coi văn hóa có ba bộ phận: văn hóa vật chất, văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần (xem *Thời đại Hùng vương*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 1973).

Ông Ngô Đức Thịnh đề cập đến 4 thành tố của văn hóa: văn hóa sản xuất, văn hóa xã hội, văn hóa tư tưởng và văn hóa nghệ thuật (xem *Xung quanh việc xác định đối tượng, chức năng của ngành folklore học Việt Nam* trong Văn hóa dân gian số 4 – 1987).

Ông Hoàng Trinh: “Bốn thành tố cấu thành văn hóa như: lao động sản xuất, tri thức và học vấn, tiềm lực sáng tạo (khoa học, văn học nghệ thuật, y học) và lối sống [...]”. (*Chiến lược văn hóa của Đảng và sự phát triển của đất nước trên Nhân Dân cuối tuần* số 13, ngày 29 – 3 – 1998).

II. VĂN HÓA TINH THẦN.

Ở lĩnh vực này chúng ta nên chú ý những mặt sau đây: văn hóa nhận thức; văn hóa tín ngưỡng, văn hóa tôn giáo; văn hóa lễ hội; văn hóa nghệ thuật; văn hóa các thú chơi.

1. Văn hóa nhận thức.

Người giảng cần nhấn mạnh: quan niệm "thiên nhân hợp nhất"; con người và mọi sự vật trong thế giới quan hệ và liên hệ với nhau theo "đồng loại tương động", theo "âm dương", "ngũ hành"; thế giới vận động theo tuần hoàn, thịnh suy đắp đổi; trong tư duy tổng hợp, tinh của tổ tiên chúng ta có biện chứng cục bộ. Xúc tiếp với văn hóa phương Tây, người Việt nhận được ở phương Tây tư duy phân tích, nhận được nơi chủ nghĩa Mác - Lênin tư tưởng biện chứng duy vật, coi thế giới luôn vận động và phát triển (nguồn gốc của sự vận động, phát triển là mâu thuẫn; động lực của sự vận động, phát triển là mặt tiến bộ, cách mạng của mâu thuẫn). Đó là bước ngoặt vĩ đại trong văn hóa nhận thức của người Việt, thúc đẩy sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn, của khoa học tự nhiên, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, xây dựng đất nước giàu mạnh, sánh vai với các nước văn minh trên thế giới...

2. Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo.

Tín ngưỡng phồn thực là một trong những cơ sở của tâm linh Việt Nam. Khác với ở Trung quốc và ở Ấn độ, ở đây tín ngưỡng phồn thực nhanh chóng trở thành triết học, tôn giáo và vũ trụ luận (Ấn độ giáo, Kinh dịch), ở Việt Nam, do những điều kiện sinh thái nhân văn, do nền văn minh nông nghiệp, do các điều kiện giao tiếp văn hóa, tín ngưỡng phồn thực không phát triển lên những tầng cao mà lan toả ra trong toàn bộ các lĩnh vực của cuộc sống - xã. Ở Việt Nam, tín ngưỡng phồn thực có khả năng, một mặt, làm khúc xạ mọi tông giáo ngoại lai, mặt khác, hoá thân vào chúng để tồn tại. Bởi thế, bất kỳ hiện tượng tông giáo - văn hóa nào của Việt Nam cũng là một kết cấu bao gồm hạt nhân là tín ngưỡng phồn thực và những lớp phủ của Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo⁶². Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên ở xứ sở chúng ta có mối liên hệ mật thiết với sản xuất nông nghiệp và quan niệm phồn thực: lập đền xã để thờ thần Hậu thổ, lập nền tắc để thờ thần nông (thần lúa)⁶³; thờ Mẫu Thượng Thiên (mẹ trời), Mẫu Địa (mẹ đất),

⁶² Xem Đỗ Lai Thúy: *Hồ Xuân Hương - hoài niệm phồn thực* trong *Tap chí văn học* số 10 - 1994.

⁶³ Xã tắc đồng nghĩa với đất nước, tổ quốc, giang sơn, sơn hà, ...

Mẫu Thoải (tức Mẫu thủy, mẹ nước) và Mẫu Liễu Hạnh⁶⁴; thờ bà Mây, bà Mưa, bà Sấm, bà Chớp⁶⁵. Tổ tiên người Việt còn thờ những thú hiền, như hươu, nai, trâu, cóc; thờ những động vật sống ở nước như rắn, cá sấu; thờ thần lúa, hồn lúa, mẹ lúa, cây cau, cây đa, cây gạo, cây đề, cây dâu, quả bầu. Rồng, Tiên là biểu tượng của tổ tiên người Việt Nam. Thờ cúng tổ tiên, thờ cúng những người có công với làng xã (Thành Hoàng), với đất nước (thờ cúng Hai bà Trưng, bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Hoàng Diệu, Hồ Chí Minh,...), là tín ngưỡng thiêng liêng, sâu sắc là biểu tượng của nhân dân chúng ta. Các tôn giáo ảnh hưởng lớn đến văn hóa và tâm linh ở Việt Nam: Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo và Thiên chúa giáo. Trên đại thể các tôn giáo ở Việt Nam không chống đối nhau, cùng "tồn tại hoà bình" với nhau, cùng góp phần làm cho người Việt Nam thức nhận sự đa dạng, phức tạp của đời sống xã hội, của thế giới, đoàn kết, thương yêu nhau, hướng thiện trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gìn giữ hoà bình trên hành tinh của loài người. Có lẽ, người Việt Nam chúng ta không hướng hết cõi lòng mình vào chỉ một tôn giáo nào và thờ cúng tổ tiên vẫn là tín ngưỡng thiêng liêng nhất, sâu thẳm nhất trong hồn Việt...

Ở người Việt Nam còn có tục thờ cúng các ông tổ nghề.

3. Văn hoá lễ hội.

Các lễ hội ở Việt Nam thường được tổ chức vào hai mùa nông nhàn: mùa xuân và mùa thu. Ở mỗi lễ hội có lễ và hội; lễ mang ý nghĩa tín ngưỡng: cầu xin và tạ ơn quỷ thần phù trợ cho việc làm ăn và cuộc sống con người; hội là vui chơi, thưởng thức, xem gì xảy ra trong dịp diễn xướng lễ hội.

Có nhiều loại lễ hội khác nhau: lễ hội nghề nghiệp (lễ hội cầu mưa, lễ hội xuống đồng, lễ hội cơm mới, ...); lễ hội nhớ ơn những anh hùng có công với nước (lễ hội đền Hùng, lễ hội Thánh Dóng, lễ hội Hai Bà Trưng, lễ hội đức thánh Trần, lễ hội Đống

⁶⁴ Người Việt Nam thờ bà Trời, bà Đất, bà Nước; về sau, do nhận thức được sự đối lập giữa âm và dương, bà Trời thành ông Trời (đối lập và hòa hợp với bà Đất).

Người Việt Nam hướng tới sự phồn thực, nên không thờ các cô gái trẻ, đẹp, mà thờ các bà, các mẹ, các mẫu.

Có nhà nghiên cứu cho rằng tứ mẫu là Mẫu Thượng ngàn (mẹ cây), Mẫu Địa, Mẫu Thoải, Mẫu Liễu Hạnh (xem Bạch Ngọc Dư: *Điện mẫu và tín ngưỡng dân tộc* trong báo *Giáo dục và thời đại* số 18, ngày 3- 03 - 1998), chứ không phải Mẫu Thượng thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải, Mẫu Liễu Hạnh.

⁶⁵ Đến đầu Công nguyên, khi Phật giáo vào Việt Nam nhóm nữ thần bà Mây, bà Mưa, bà Sấm, Bà Chớp được trở thành hệ thống tứ pháp: Pháp Vân (thần mây) được thờ ở chùa Bà Dâu, Pháp Vũ (thần mưa) được thờ ở chùa Bà Đậu, Pháp Lôi (thần sấm) được thờ ở chùa Bà Tướng, Pháp Điện (thần chớp) được thờ ở chùa Bà Giàn.

Đa...); lễ hội tôn giáo (lễ hội chùa Hương, lễ hội chùa Thầy, lễ hội Phủ Giày...); lễ hội văn hóa vui chơi, hội Lim, hội chọi trâu, hội đua thuyền...

4. Văn hóa nghệ thuật.

Nghệ thuật *không gian*: (nhà, đền, chùa, cung điện, lăng, nhà thờ) và *điều khắc* (tượng, phù điêu). Nghệ thuật *sắc màu*: hội họa (tranh dân gian Đông Hồ, tranh dân gian Hàng trống, tranh lụa, tranh sơn dầu, tranh sơn mài,...).

Nghệ thuật *âm thanh*: ca nhạc (ca nhạc dân gian, ca nhạc mới); *các loại nhạc cụ* (nhạc cụ gõ, nhạc cụ dây, nhạc cụ hơi). Nghệ thuật *sân khấu*: chèo, tuồng, ca kịch cải lương, kịch nói (drame), opera, ballet, kịch câm, múa, xiếc). Nghệ thuật *ngôn từ*: văn học dân gian (folklore ngôn từ), *văn học thành văn*. *Nghệ thuật nhiếp ảnh và nghệ thuật điện ảnh*.

5. Văn hóa các thú chơi.

Chơi chim, chơi cây cảnh, thả diều, đổ thơ, chơi cờ, đấu vật, chọi gà, chọi trâu, chọi dế, chơi cá cảnh, đánh khăng, đánh đáo, đánh bi, đánh đu, đá cầu, đánh vù, hát đối đáp nam nữ, hát ả đào, picnic, du lịch,...

6. Văn hóa ẩm thực.

Là những cái thú vừa là *văn hóa vật chất*, vừa là *văn hóa tinh thần*. Ngày nay, những thú này trở nên *ôn ào, gập gáp*, không còn giữ được sự *thanh tịnh nhẫn nhạ* và *mỹ thuật* như thời xưa.

III. VĂN HÓA TỔ CHỨC, QUẢN LÝ.

1. Nhà nước Văn Lang của các vua Hùng; nhà nước Âu Lạc của An Dương Vương.

2. Nhà nước Nam Việt của Triệu Đà.

3. Vai trò của làng xã, vai trò của cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, sự tổ chức của các cuộc chiến tranh giải phóng dưới thời Bắc thuộc.

4. Văn hóa tổ chức, quản lý trong thời của các nhà nước phong kiến Đại Việt.

5. Nhà nước thực dân nửa phong kiến trong thời Pháp thuộc, Nhật thuộc; các phong trào yêu nước, cách mạng, đảng chính trị; tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

6. Văn hóa tổ chức, quản lý của nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ở trên chúng tôi đã đưa ra cái nhìn *lịch đại* về văn hóa tổ chức, quản lý ở phương diện *nhà nước*. Theo cái nhìn *đồng đại*, về văn hóa tổ chức, quản lý chúng tôi thấy:

7. Sức mạnh của cơ cấu nhà - làng - nước;
8. Phe, giáp, phường, hội;
9. Đảng, đoàn thể, hội;
10. Gia đình, nhà trường, xã hội;
11. Đạo đức, phong tục, tập quán và pháp luật;
12. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại, nội lực và ngoại lực;
13. Nhà nước và nhân dân.
14. Dân chủ đại diện và dân chủ ở cơ sở.

IV. VĂN HÓA GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ.

1. Giao tiếp, ứng xử trong môi trường tự nhiên.

1.1. Lợi dụng môi trường tự nhiên, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của con người về ăn, mặc, ở, đi lại, chữa bệnh,...

1.2. Đối phó với môi trường tự nhiên, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do môi trường tự nhiên gây ra cho con người.

1.3. Tìm cách "tồn tại hoà bình" với môi trường tự nhiên.

2. Giao tiếp, ứng xử trong môi trường xã hội.

2.1. Ngôn ngữ - công cụ giao tiếp, ứng xử trong môi trường xã hội.

2.2. Văn hoá nghệ thuật - con đường ngắn nhất nối liền con người với con người trong xã hội.

2.3. Giao tiếp, ứng xử trong gia đình, trong họ hàng, trong làng xã, trong xã hội, trong bộ máy nhà nước.

2.4. Đối phó với kẻ thù, bình thường hoá trong quan hệ với đối phương sau chiến tranh.

2.5. Quân sự.

2.6. Ngoại giao.

2.7. Kết hợp quân sự và ngoại giao, ngoại giao và quân sự.

2.8. Hội nhập và khu vực, vào thế giới và giữ vững độc lập dân tộc, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong giao tiếp, ứng xử người Việt Nam *duy tình*, trọng *hoà hiếu*, *hoà hợp*, *hoà bình*, nhưng cũng rất *nguyên tắc* khi bảo vệ *sự thật*, *chân lý* và *lợi ích tối thượng của dân tộc, của đất nước*.

V. VĂN HOÁ TÁI SẢN XUẤT SINH HỌC - XÃ HỘI.

Ở đây, chúng ta nghiên cứu văn hóa tái sản xuất ra chính con người, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của cuộc sống - xã hội.

1. Văn hóa tái sản xuất sinh học - xã hội trong thời trung đại.

1.1. Gia đình, dòng họ, hôn nhân, và tái sản xuất lao động, tái sản xuất người nối dõi huyết thống.

1.1.2. Sinh con đàn cháu đống. Không nuôi người theo chất lượng và số lượng dinh dưỡng được cung cấp trong từng bữa ăn, mà theo quan niệm "thêm đũa, thêm bát", "trời sinh voi trời sinh cỏ"

1.1.3. Cửu tự cù lao (chín chữ về công lao dưỡng dục của cha mẹ): sinh (cha sinh), cúc (mẹ đẻ), phủ (vỗ về), dục (nuôi cho khôn), cố (trông nom), phục (quần quít), phủ (nâng nhắc), súc (nuôi cho lớn), phúc (bồng bế).

1.1.4. Mơ ước: phúc, lộc, thọ, Khang, Ninh và trường sinh.

1.1.5. Tâm lý trọng nam khinh nữ. Tâm lý này được Nho giáo củng cố. Nhưng trong thực tế đời sống còn hiện diện một quan niệm khác: ruộng sâu, trâu nái không bằng con gái đầu lòng; thuận vợ, thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn ... Phụ nữ không chỉ có vai trò quan trọng "tay hòm chìa khoá" trong gia đình, mà cả trong xây dựng và bảo vệ đất nước.

1.1.6. Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.

1.2. Nền giáo dục.

1.2.1. Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Khẩu hiệu của giáo dục: "Tiên học lễ, hậu học văn".

1.2.2. Đào tạo hiền giả: phục tùng nghiêm cẩn người trên, coi cỏ nhân là mẫu mực, "hậu cổ, bạc kim", tu dưỡng đạo đức, "tâm hành".

1.2.3. Bên chày đọc sách, bên nàng quay tơ. Rước vinh quy về làng bái tổ.

1.2.4. Ước vọng "trí quân trạch dân". "làm trai trong cõi thế gian, phò đời giúp nước phời gan anh hào".

1.3. Xã hội thời trung đại là xã hội thần dân.

1.3.1. Tam cương ngũ thường và con người chức năng.

1.3.2. Lập đức, lập công, lập ngôn.

1.3.3. Ba kiểu nhà Nho: nhà Nho hành đạo, nhà Nho ẩn dật, nhà Nho tài tử.

1.3.4. Nền giáo dục không được cách tân và quan niệm làm người kiểu Nho giáo không thể không chịu trách nhiệm về sự mất nước Việt Nam vào tay thực dân Pháp ở cuối thế kỷ XIX.

2. Văn hóa tái sản xuất sinh học - xã hội trong thời thuộc Pháp.

2.1. Xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nông thôn. Đô thị tư sản hoá với một ít thay đổi trong tái sản xuất sinh học - xã hội.

2.2. Nhà trường Pháp - Việt. Y đồ của thực dân Pháp: đào tạo những người có thể làm công chức cho bộ máy nhà nước ở thuộc địa. Đội ngũ trí thức biết tiếng Pháp - cầu nối đưa cái mới của thế giới hiện đại vào cuộc sống.

2.3. Các nhà Nho yêu nước và duy tân. Trí thức giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa xã hội.

3. Văn hóa tái sản xuất sinh học - xã hội hiện đại ở Việt Nam.

3.1. Con người - động lực và mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội, của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

3.2. Kế hoạch hoá gia đình: mỗi cặp vợ chồng chỉ nên sinh từ một đến hai con, đảm bảo nuôi con khoẻ dạy con ngoan; đảm bảo hạnh phúc gia đình.

3.3. Hệ thống giáo dục quốc dân: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài của đất nước.

3.4. Thực hiện công ước về quyền trẻ em; phát huy sự đóng góp của người già cho gia đình, xã hội và chăm sóc cuộc sống vật chất, tinh thần của người già.

3.5. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; giải quyết những vấn đề xã hội.

3.6. Giải quyết vấn đề cân bằng sinh thái.

3.7. Phát triển đất nước, hướng tới bốn mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản bắt đầu thời kỳ *chân chính* của loài người. CNXH và CNCS cần và có thể đặt con người vào trung tâm cuộc sống - xã hội. Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: *con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức* là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới, đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.⁶⁶

⁶⁶ Xem Ban tư tưởng - văn hóa TW: *Tài liệu nghiên cứu văn kiện Đại hội VIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1998, tr. 68 - 69. Về vấn đề này tại hội nghị nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức ở Đà Lạt, tháng 9 - 1996, Phó thủ tướng Nguyễn Khánh cho rằng 5 tiêu chuẩn con người cần đạt tới là: 1. Sức khoẻ tốt; 2. Đạo đức trong sáng; 3. Học vấn cao; 4. Lập trường chính trị - tư tưởng vững; 5. Nghề nghiệp thành thạo. Về vấn đề xây dựng con người trong các trường đại học và cao đẳng Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo Trần Hồng Quân đề xuất: 1. Xác định mục tiêu sống và hành động của thầy và trò; 2. Hình thành ở sinh viên sự tự giác, tự chủ, có bản lĩnh sống, học tập, rèn luyện và làm việc theo các chuẩn mực đạo đức, hệ thống các giá trị, những quy định của pháp luật phù hợp

3.8. Từng bước tiến tới "một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người".⁶⁷

Nghiên cứu các lĩnh vực văn hóa Việt Nam theo lịch đại và đồng đại, chúng ta sẽ nhận thức sự tiếp biến văn hóa (acculturation) giữa văn hóa nội sinh và văn hóa ngoại sinh; thức nhận sự phát triển của văn hóa đất nước.

với đạo lý của dân tộc; 3. Có khả năng tự điều chỉnh, giải quyết tốt các mối quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng và xã hội, giữa nhận thức, thái độ, tình cảm và hành động trong mọi trường hợp; 4. Có ý chí, bản lĩnh phê phán, mạnh dạn tham gia vào cuộc đấu tranh chống lại những biểu hiện không lành mạnh trong đời sống học đường và những tiêu cực trong thanh niên và xã hội nói chung (xem *Hội thảo định hướng giáo dục giá trị đạo đức trong các trường đại học*, trên báo Giáo dục và Thời đại số ra ngày 8- 11 - 1996).

⁶⁷ K. Marx và F. Engels: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ Lâm Đồng xuất bản, 1998, tr. 44.

KẾT LUẬN

1. Văn hóa Việt Nam từ trước đến nay đã tiếp biến văn hóa (acculturation) với văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa và văn hóa phương Tây.

2. Văn hóa Việt Nam mở rộng địa bàn văn hóa từ Bắc vào Nam, thực hiện sự tiếp biến văn hóa giữa văn hóa dân tộc Kinh với văn hóa các dân tộc anh em khác trên lãnh thổ Việt Nam, hình thành một nền văn hóa thống nhất trong sự đa dạng với các vùng văn hóa.

3. Những đặc điểm hằng xuyên của văn hóa Việt Nam:

3.1. Nông nghiệp lúa nước, nông dân, làng xã - ba "cấu tử" của văn minh lúa nước Việt Nam. Nó sẽ còn phát huy tác dụng to lớn trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trong nền văn minh trí tuệ (đảm bảo an toàn lương thực cho quốc gia, tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực của nhân loại).

3.2. Đoàn kết, thương người, yêu nước.

3.3. Con người là trung tâm cuộc sống - xã hội, là trung tâm của thế giới.⁶⁸

3.4. Học hỏi cái hữu ích, cái hay, cái đẹp của văn hóa nước ngoài, của văn hóa nhân loại để làm phong phú và sâu sắc văn hóa của đất nước, phát triển văn hóa dân tộc sánh vai với văn hóa tiên tiến của các dân tộc khác trên thế giới trong khi gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

4. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

4.1. Từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nhân dân Việt Nam đã thành công trong phát huy truyền thống đoàn kết, thương người, yêu nước, truyền thống coi con người là quyết định đối với thắng lợi của mọi sự nghiệp từ xưa đến nay, đặc biệt là sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước, truyền thống học hỏi những tinh hoa trong những thành tựu của nhân loại để bồi bổ và nâng cao sức mạnh, nội lực dân tộc, không ngừng tiến lên phía trước, theo kịp những bước phát triển lịch sử của loài người. Nhân dân Việt Nam cũng đã phát huy được sức mạnh của văn minh nông nghiệp lúa nước, nông dân, làng xã trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước và trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; ở đây không thể không nhấn mạnh: Việt Nam hiện đứng thứ ba thế giới về xuất khẩu gạo.

4.2. Văn hóa Việt Nam đã đi qua hai kỷ nguyên: Kỷ nguyên Văn Lang - kỷ nguyên khai hoá văn hóa; kỷ nguyên Đại Việt - kỷ nguyên phục hưng và khẳng định bản sắc văn hóa của dân tộc; và đang ở trong thời kỳ nhiều thuận lợi nhưng cũng lắm thử thách của kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội: *thời kỳ xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

⁶⁸ Người bình dân nghĩ: người ta là hoa đất; còn người còn của ... Nhà Nho quan niệm: người là bầu gan nùm ruột của đất trời. Các đấng minh quân coi "hiền tài là nguyên khí của quốc gia", coi nghĩa vụ thiêng liêng của mình là trên đáp được "thiên mệnh", dưới thỏa được "dân vọng".

Trong quá trình phát triển, trong đó có phát triển văn hóa, theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, các xã hội châu Á, ở mức độ này hay mức độ khác, đều phải trải qua 3 "pha"⁶⁹ phát triển : a) chủ yếu phủ định cái cũ để phát triển cái mới; b) phổ biến hoá cái mới và khai thác, phát huy các yếu tố tích cực của cái truyền thống; c) phát triển hài hoà và ổn định trên nền móng cái truyền thống đã được cách tân một cách cơ bản. Đó là những kinh nghiệm quý báu cho sự hoạch định đường lối phát triển đất nước chúng ta.

Hiện nay Việt Nam đang ở "pha" nào của sự phát triển? Có lẽ, chúng ta chưa ở trong chu kỳ thứ ba của sự phát triển, nhưng chúng ta sẽ tìm được cách để đi nhanh tới chu kỳ ấy.

Chúng ta đã đề ra những phương hướng để hoạch định chính sách văn hóa.

Phương hướng thứ nhất: chiến lược con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của văn hóa.

Phương hướng thứ hai: thống nhất chính sách văn hóa với chính sách kinh tế - xã hội trong điều kiện của nền kinh tế nhiều thành phần, trong điều kiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phương hướng thứ ba: giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa cổ truyền, đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước diễn ra trên cơ sở nền tảng văn hóa Việt Nam.

Phương hướng thứ tư: gìn giữ và nâng cao nội dung thống nhất trong đa dạng của nền văn hóa Việt Nam; đây là con đường, hình thức tối ưu để phát triển văn hóa.

Gìn giữ và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, khắc phục những tiêu cực từ văn hóa trong nước và từ văn hóa ngoại lai nhập lậu vào Việt Nam, để xây dựng thành công một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là một nhiệm vụ lâu dài, gian khổ trong điều kiện Việt Nam hội nhập vào khu vực, hội nhập vào thế giới - một thế giới đang toàn cầu hoá về kinh tế, nhưng đa cực, đa phương và đang đối phó với những thách thức vô cùng to lớn - những thách thức này đòi hỏi nhân loại phải đoàn kết lại, sáng suốt hơn để tiến lên phía trước.

Văn hóa phải được sản xuất. Vấn đề không chỉ là sản xuất ra cái gì, mà điều quan trọng hơn là *cách sản xuất* ra cái ấy và cách sử dụng nó. Theo mạch nghĩ này, thì người Việt Nam thông minh, cần cù, khéo léo, cởi mở và dày dặn trong tiếp xúc, ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội sẽ nhanh chóng xây dựng thành công nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc - động lực đồng thời là mục tiêu phát triển đất nước.

Đà Lạt, 1997 - 1998

Lê Chí Dũng

⁶⁹ Phase (tiếng Pháp): pha, chu kỳ.

PHỤ LỤC

THẬP KỶ QUỐC TẾ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM.

(ND, 4-10-1997)

Đến nay, Tổ chức giáo dục - khoa học và văn hóa liên hợp quốc (UNESCO) đã công bố hơn 50 văn bản về chính sách văn hóa của các nước thành viên. Có bốn thể chế cơ bản là các văn bản pháp luật, về chính sách văn hóa của các nước thành viên. Có bốn thể chế cơ bản là các văn bản pháp luật, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, ngân sách và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng. Khi hoạch định và triển khai một chính sách văn hóa bao giờ cũng được hình thành bởi ba thành tố - ba nhóm cộng đồng cùng tham gia chính sách và tác động qua lại với nhau: cộng đồng hoạch định và quản lý chính sách, cộng đồng những người hoạt động văn hóa và công chúng. Qua đó, chúng ta thấy chính sách văn hóa không thể và cũng không phải là một tác phẩm riêng, một ý chí riêng của những người hoạch định chính sách, những người quản lý mà nó phải xuất phát, phải thể hiện được quyền lợi và trách nhiệm của cả những nhà hoạt động văn hóa, những nhà sáng tạo và cả của công chúng hưởng thụ, đồng thời cũng là cộng đồng hoạt động và sáng tạo văn hóa nữa. Trong mối quan hệ đan xen, tương hỗ và kết nối của những thành tố hình thành nên chính sách văn hóa, thì nổi lên vai trò trung tâm của nhà nước, của những người hoạch định chính sách.

Xuất phát từ nhận thức sâu sắc về vai trò cực kỳ quan trọng của văn hóa trong đời sống xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, đã dành sự quan tâm đặc biệt đến đời sống tinh thần của nhân dân, đến văn hóa dân tộc. Trong những năm qua vấn đề định hướng cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp phát triển của đất nước đã được dành một vị trí thích đáng trong các văn kiện của Đảng ta. Đặc biệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII đã khẳng định: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội". Không chỉ nêu lên những định hướng mà trong một số nghị quyết của Đảng và quyết định của Chính phủ đã chỉ ra những công việc, những chính sách cụ thể để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Một sự trùng hợp của những ý tưởng của thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa do Liên hợp quốc và UNESCO phát động với những thành tựu trong công cuộc đổi mới của Việt Nam do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong thập kỷ qua là một minh chứng cho sự gặp gỡ của những tư tưởng, những xu thế có tính thời đại khi nhìn nhận vai trò, vị trí của văn hóa và phát triển. Cơ cấu và nội dung của thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa là:

- Văn hóa phải có một vị trí thích đáng, được thể hiện trong các kế hoạch, chính sách và dự án phát triển.

- Đề cao các bản sắc văn hóa dân tộc. Khuyến khích tài năng sáng tạo và cuộc sống có văn hóa.

- Mở rộng sự tham gia của mọi người vào đời sống văn hóa và sáng tạo văn hóa.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về văn hóa.

Chính sách văn hóa của chúng ta cũng tương tự như vậy, trong đó phải thể hiện được sự quan tâm đặc biệt đến việc bảo tồn và phát huy vốn văn hóa - nghệ thuật dân tộc; tạo được nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị cao cả về tư tưởng, cả về nghệ thuật để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân; tạo mọi thuận lợi cho người dân hưởng thụ, hoạt động và sáng tạo văn hóa; xây dựng đội ngũ có phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn cao, vừa chú ý đào tạo nhân tài về văn hóa; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, tăng cường hợp tác quốc tế về văn hóa và đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho sự phát triển văn hóa.

Nhận thức đầy đủ vai trò của văn hóa trong phát triển là cần, nhưng chưa đủ. Điều quan trọng là cần phải đưa những nhân tố văn hóa vào trong việc hoạch định các chính sách, các chương trình và dự án phát triển. Tháng 4 - 1993, Việt Nam đã tổ chức hội thảo do UNESCO tài trợ với chủ đề: Phương pháp luận về việc đưa các nhân tố văn hóa vào các kế hoạch và dự án phát triển. Những tham luận của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước đã chỉ ra ý nghĩa và tính cấp thiết của công việc này.

Tuy nhiên, không phải ai cũng hiểu vai trò quan trọng và việc điều tiết của văn hóa trong phát triển.

Chúng ta đã xây dựng được 11 quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo vùng. Chúng tôi đã nghiên cứu nhận xét rằng, tất cả các quy hoạch vùng và tỉnh, thành phố về văn hóa còn mờ nhạt. Việc đánh giá hiện trạng văn hóa, tài sản văn hóa để làm cơ sở cho quy hoạch không được trình bày một cách đầy đủ và khoa học, không có quy hoạch nào đề cập dự báo phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế của vùng, của địa phương. Các loại hình văn hóa đặc thù, văn hóa cổ truyền, văn hóa các dân tộc thiểu số không được nêu ra một cách rõ ràng, cụ thể. Tỷ trọng vốn đầu tư cho kinh tế và xã hội không cân đối, thậm chí không đề cập tỷ trọng vốn cho văn hóa.

Thập kỷ vừa qua cũng là thời gian có những nhận thức mới về khoa học - công nghệ trong văn hóa. Thành tựu khoa học - kỹ thuật làm cho một công trình sáng tạo văn hóa - nghệ thuật trở nên phổ biến, vượt ra khỏi một vùng nhỏ hẹp hay một quốc gia. Việc ứng dụng một cách rộng rãi và thường xuyên vào đời sống hàng ngày tạo nên môi trường kỹ thuật vừa tự nhiên, vừa mang tính thẩm mỹ, tạo điều kiện mới cho sự phản ánh và sự khám phá của nghệ thuật. Do đó, văn hóa - nghệ thuật cũng cần đến khoa học và công nghệ như bất cứ một ngành nào khác.

Người Việt Nam có quyền tự hào về nền văn hóa dân tộc phong phú, đa dạng, độc đáo, có bản sắc, có sức sống cũng như sức cuốn hút mãnh liệt của mình được thể hiện ở ý thức dân tộc thống nhất hình thành từ rất sớm, ở truyền thống nhân văn sâu sắc, ở sự kết hợp giữa pháp trị và đức trị, ở sự thống nhất trong đa dạng, thừa nhận đặc điểm chung và đặc điểm riêng của từng vùng của nền văn hóa vật chất và văn hóa phi vật chất, ở tinh thần bao dung, giữ gìn cái riêng của mình, nhưng vẫn sẵn sàng hội

nhập, tiếp thụ cái mới của nhân loại. Đó là kết tinh của mối quan hệ tổng hoà và tương tác giữa ba yếu tố: môi trường - con người - văn hóa, sự kiên trì, lòng dũng cảm, trí thông minh và khát vọng vươn tới tầm cao nhân loại.

Vấn đề gìn giữ, phát huy và phát triển văn hóa dân tộc đã được chỉ ra một cách đúng đắn và nhất quán trong nhiều nghị quyết, đặc biệt là nghị quyết gần đây của Đảng, trong đó nhấn mạnh việc phát triển văn hóa - nghệ thuật dân tộc là trách nhiệm của toàn dân, đồng thời cũng xác định trách nhiệm quản lý và đầu tư của nhà nước cho việc sưu tầm, chỉnh lý, biên soạn, bảo quản lâu dài, phổ biến các sản phẩm văn hóa - nghệ thuật truyền thống.

Trong quá trình vận dụng nền văn hóa cần quán triệt hai quy luật đặc thù của văn hóa: đó là quy luật bảo vệ và phát huy, đi đôi với quy luật kế thừa và phát triển di sản văn hóa dân tộc. Bảo vệ kiên cường và có bản lĩnh cũng tức là chúng ta vững vàng đi vào hội nhập.

Muốn cho văn hóa phát triển và để văn hóa của dân tộc có khả năng đóng góp vào sự phát triển, thì công tác quản lý văn hóa là điều kiện tiên quyết. việc quản lý này phải bám sát vào quy trình hoạt động của văn hóa: sưu tầm, bảo quản những sản phẩm văn hóa có giá trị; truyền bá và phát huy các giá trị văn hóa; nâng cao và sáng tạo ra những sản phẩm văn hóa mới.

Văn hóa, như mọi hiện tượng xã hội, có tính xã hội hoá tự thân. Bản thân mỗi hoạt động văn hóa đều có tiềm năng xã hội hoá. Xã hội hoá hoạt động văn hóa là biến các hoạt động văn hóa trở thành của toàn xã hội, được xã hội quan tâm nuôi dưỡng, được sự tham gia của nhiều ngành và mọi tầng lớp nhân dân; là một sự chuyển giao, san sẻ trách nhiệm xã hội về hoạt động xã hội về hoạt động sáng tạo, cung cấp và phổ biến văn hóa giữa nhà nước và nhân dân, là sự liên kết các thành phần xã hội trong mối quan tâm chung về tầm quan trọng của văn hóa đối với hiện tại và tương lai.

Với sáng kiến của UNESCO, thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa mà nội dung chủ yếu là khẳng định tầm vóc của văn hóa trong phát triển đã và đang được Việt Nam vận dụng trong hoàn cảnh cụ thể của mình để xây dựng một xã hội hài hoà, tốt đẹp.

GSTS. Lưu Trần Tiêu